

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN
GIAO DỊCH CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA
CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9



BẢN CÁO BẠCH

ĐĂNG KÝ CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103010465 do

Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006)

BẢN CÁO BẠCH ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trụ sở: Tòa nhà Sông Đà - Đ. Phạm Hùng - H. Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: 04-768 3746

Fax: 04-768 2684

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG (VCBS)

Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội

Điện thoại: 04-935 1531

Fax: 04-935 1530

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông Nguyễn Đăng Lanh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Hưng - Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Điện thoại: 04-768 3746

Fax: 04-768 2684



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
SONG DA NO 9 JOINT-STOCK COMPANY

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103010465 do
Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006)*



SÔNG ĐÀ 9

ĐĂNG KÝ CỔ PHIẾU
TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 9
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá 1 cổ phần : 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng)
Tổng số lượng đăng ký : 7.000.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký : 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐĂNG KÝ

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG (VCBS)

Tầng 17 - Tòa nhà Vietcombank - 198 Trần Quang Khải - Hà Nội

Điện thoại: 04-935 1531

Fax: 04-935 1530

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HỒNG HÀ

72 An Dương, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại : 04 - 823 9118

Fax : 04 - 717 1086

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	4
1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	4
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	4
II. CÁC KHÁI NIỆM, CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ.....	6
1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	6
2. CƠ CẤU SỞ HỮU	9
3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ NẪM GIỮ	10
4. MÔ HÌNH TỔ CHỨC.....	10
5. CƠ CẤU QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY	14
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	17
7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2005 VÀ 9 THÁNG NĂM 2006	23
8. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2006-2008	25
9. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	27
10. TÌNH HÌNH TÀI SẢN	30
11. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	30
12. LAO ĐỘNG VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	34
13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	36
14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	47
15. CĂN CỨ ĐỀ ĐẠT DOANH THU, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC	48
16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	49
17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ	50
18. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU	50
IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	51
1. TÊN CHỨNG KHOÁN.....	51
2. LOẠI CHỨNG KHOÁN	51
3. MỆNH GIÁ 01 CỔ PHẦN	51
4. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	51
5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....	51
6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	52
7. CÁC LOẠI THUẾ LIÊN QUAN	52
V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	53
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	53
2. CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	53
VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	54
1. RỦI RO KINH TẾ	54
2. RỦI RO PHÁP LUẬT	54
3. RỦI RO TÀI CHÍNH.....	55
4. RỦI RO NGÀNH KINH DOANH	55
5. RỦI RO KHÁC.....	55
VII. PHỤ LỤC.....	56

**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

Ông Nguyễn Đăng Lanh : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Ông Lê Văn Hưng : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Ông Dương Kim Ngọc : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Bà Nguyễn Thị Bích Liên : Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 9. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sông Đà 9 cung cấp.

**II. CÁC KHÁI NIỆM, CÁC TỪ VIẾT TẮT**

Công ty	: Công ty Cổ phần Sông Đà 9
Công ty mẹ	: Công ty Cổ phần Sông Đà 9
VCBS	: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam
NLD	: Người lao động
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TGĐ	: Tổng giám đốc
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
CSVCKT	: Cơ sở vật chất kỹ thuật
TTGDCK	: Trung tâm Giao dịch chứng khoán

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (tiền thân là liên trạm cơ giới thủy điện Thác Bà được thành lập từ năm 1960) - đơn vị thành viên của Tổng Công ty Sông Đà - được thành lập lại theo quyết định số 128A/BXD/TCLĐ ngày 26/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng theo Nghị định 388/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ; với ngành nghề đăng ký kinh doanh là: San lấp, đào đắp, nạo vét bằng cơ giới; xây dựng công trình công nghiệp, công trình công cộng; xây dựng đường dây và trạm biến thế; xây dựng công trình thủy lợi; khai thác cát đá sỏi; sản xuất cầu kiện bê tông và cầu kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng.

Theo Quyết định số 2159/QĐ-BXD ngày 18/11/2005, Công ty Sông Đà 9 thuộc Tổng Công ty Sông Đà chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 9. Công ty chính thức được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103010465 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04/01/2006.

Tên tiếng Việt	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
Tên tiếng Anh	:	Song Da No 9 Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	SONG DA 9.,JSC
Biểu trưng	:	



SÔNG ĐÀ 9

Trụ sở chính	:	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	04 - 768 3746
Fax	:	04 - 768 2684
Website	:	www.songda9.com.vn
Email	:	songda9@fmail.vnn.vn

Căn cứ theo giấy phép đăng ký kinh doanh, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng;



- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan mìn nổ;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng;
- Chế tạo và lắp đặt các cấu kiện cơ khí, xây dựng, phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy, các loại máy xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, xăng, dầu, mỡ; bất động sản và văn phòng cho thuê;

Trong giai đoạn 2001-2006, định hướng chiến lược Công ty Sông Đà 9 là lấy thi công xây lắp bằng cơ giới các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông làm chủ đạo, nhận thầu thi công các công trình lớn trong và ngoài nước để phát huy năng lực xây lắp truyền thống của đơn vị; đầu tư xây dựng một số công trình thủy điện vừa và nhỏ với mục đích kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê và một số sản phẩm cơ khí chế tạo. Định hướng này đã và đang tạo cho đơn vị sự phát triển bền vững trên thị trường.

Quá trình hình thành và phát triển với những nỗ lực vượt bậc trong sản xuất, Công ty đã xuất sắc hoàn thành nhiều công trình trọng điểm của đất nước như: Đập đập thủy điện Thác Bà, Hoà Bình, Yaly, Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Cần Đơn, đường dây 500KV, đường Hồ Chí Minh, Thủy điện Tuyên Quang, Pleikrông, Sơn La, Sê San 3 tại CHDCND Lào (thủy điện Se Ka Man 3) và nhiều công trình khác. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thi công nhiều công trình trọng điểm của đất nước, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 đã trở thành một nhà thầu chuyên nghiệp thi công xây lắp bằng cơ giới có khả năng đảm nhận thi công cùng một lúc nhiều công trình ở nhiều mức quy mô khác nhau. Nhiều công trình đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước đánh giá cao về chất lượng, với các phần thưởng cao quý “Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam” như: Đập dâng nước thủy điện Hoà Bình, công trình chống thấm Trại Nhân, Nhà máy xi măng Sông Đà, trạm biến áp 500KV Hoà Bình, đường dây 500KV Hoà Bình – Mãn Đức, đập dâng nước thủy điện Yaly, thủy điện Nậm Mu.....

Với những đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng đất nước, Công ty đã được các Bộ, ngành, Nhà nước đánh giá cao và tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý

- ✚ Nhiều bằng khen của thủ tướng Chính phủ
- ✚ 03 huân chương Lao động hạng Ba, hạng Nhì, hạng Nhất
- ✚ 03 huân chương độc lập hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba
- ✚ Công ty vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu *Anh hùng lao động* trong thời kỳ đổi mới vào năm 2000.
- ✚ Công ty được trao tặng cờ thi đua của Chính phủ năm 2003.

Ngoài ra, nhiều tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc đã vinh dự được Tổng Công ty, UBND các tỉnh – thành phố, Bộ Xây dựng, Chính phủ và Nhà nước tặng nhiều bằng khen, huân huy chương, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc và đặc biệt là 3 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

**Bảng 1:** Danh mục công trình đã và đang thi công

STT	Tên công trình	Địa điểm	Thời gian
1	Thủy điện Thác Bà	Yên Bái	1960 – 1975
2	Nhà máy dệt Minh Phương	Phú Thọ	1973 – 1975
3	Nhà máy giấy Bãi Bằng	Phú Thọ	1975 – 1976
4	Thủy điện Selabăm	CHDCND Lào	1990 – 1993
5	Nhà máy thủy điện Hoà Bình	Hoà Bình	1976 – 1994
6	Nhà máy thủy điện Yaly	Gia Lai	1993 – 2002
7	Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn	Bình Định	1989 – 1994
8	Nhà máy thủy điện Sông Hinh	Phú Yên	1991 – 1994
9	Đường dây 500 KV Hòa Bình	Hòa Bình	1990 - 1991
10	Nhà máy thủy điện Cần Đơn	Bình Phước	1999 – 2003
11	Đường tỉnh lộ 749	Bình Phước	2000 – 2001
12	Đường Hồ Chí Minh	Quảng Nam-Huế	2000 – 2003
13	Đường 1 đoạn Hà Nội-Lạng Sơn	Hà nội-Bắc Ninh	1999 – 2001
14	Đường 1 Thường Tín Cầu Giẽ	Hà Tây	1999 – 2001
15	Công trình thủy điện Sêsan 3	Gia Lai	2000
16	Thủy điện Tuyên Quang	Tuyên Quang	2002
17	Quốc lộ 10	Thái Bình	2002
18	Công trình thủy lợi, thủy điện Cửa Đạt	Thanh Hóa	2003
19	Thủy điện Sê san 4	Gia lai	2004
20	Thủy điện Sơn La	Sơn La	2004
21	Nhà máy Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	2004
22	Nhà máy thủy điện Nậm Mu (tự đầu tư)	Hà Giang	2002 - 2004
23	Thủy điện Huội Quảng	Lai Châu	2006
24	Thủy điện XEKAMAN 3	CHDCND Lào	2006
25	Thủy điện Nậm Ngần (tự đầu tư)	Hà Giang	2006
26	Quốc lộ 2	Vĩnh Phúc	2005 - 2006
27	Thủy điện Sử Pán 2	Lào Cai	2006

28	Thủy điện An Khê – Ka Nắc	Gia Lai	2006
29	Thủy điện Krông – Kma	Đắk Nông	2006
30	Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	2006

2. CƠ CẤU SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại thời điểm 10/10/2006 là 70.000.000.000 VNĐ (Bảy mươi tỷ đồng). Trong đó Tổng Công ty Sông Đà là cổ đông chính nắm giữ 4.200.000 cổ phần tương đương 42.000.000.000 đồng chiếm 60% vốn điều lệ. Phần còn lại chiếm 40% vốn điều lệ bao gồm các cổ đông khác (người lao động trong Công ty và các cổ đông bên ngoài).

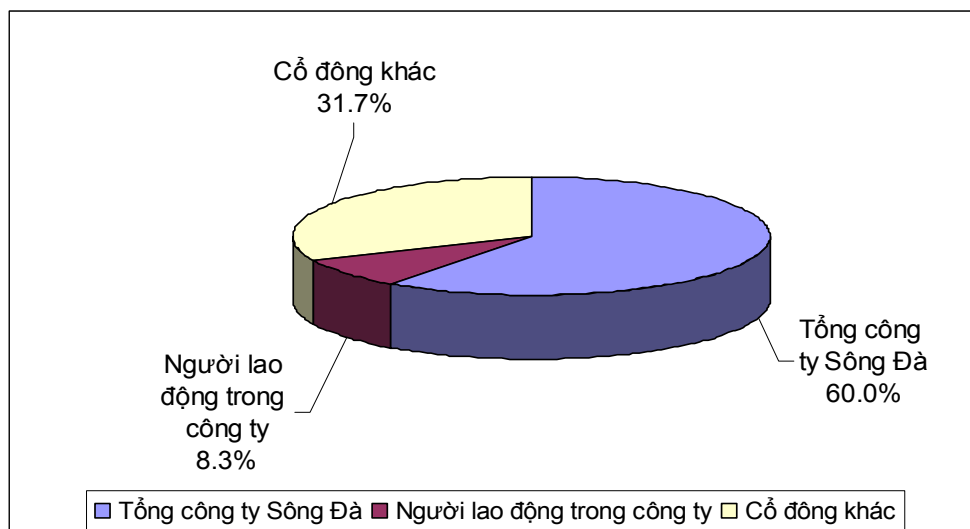
Cơ cấu Vốn điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 2: Cơ cấu Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 9 tại thời điểm 10/10/2006

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tổng giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà) gồm: - Nguyễn Đăng Lanh - Lê Công Tinh - Khương Đức Dũng - Nguyễn Văn Thắng - Lê Văn Hưng	G10, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội	4.200.000	42.000.000.000	60 %
2	Người lao động trong công ty		580.894	5.808.940.000	8,3 %
3	Cổ đông bên ngoài		2.219.106	22.191.060.000	31,7 %

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 9)

Biểu đồ 1: Cơ cấu Vốn điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 9 tại thời điểm 10/10/2006



3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ NẤM GIỮ

Căn cứ Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103010465 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04/01/2006, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty như sau:

Bảng 3 : Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ %
1	Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà) gồm: - Nguyễn Đăng Lanh - Nguyễn Văn Bình - Khương Đức Dũng - Nguyễn Văn Thắng	4.200.000	42.000.000.000	60%
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 906	100.000	1.000.000.000	1,43 %
3	Công ty Cổ phần Sông Đà 901	155.353	1.553.530.000	2,22 %
4	Nguyễn Thị Nhâm	30.000	300.000.000	0,43 %

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 9, quy định về hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập như sau:

Điều 9, Mục 2 Điểm d: “Trong thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ”

Ngày 07/07/2006, Tổng Công ty Sông Đà đã có Công văn số 174/TCT-TCĐT thông báo về việc thay đổi người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Sông Đà 9. Theo nội dung Công văn, ông Nguyễn Văn Bình thôi không trực tiếp quản lý phần vốn là 5 tỷ đồng của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Sông Đà 9 và cũng thôi không tham gia thành viên HĐQT. Ông Lê Công Tinh, Trưởng phòng Tổ chức Đào tạo Tổng Công ty Sông Đà, thay ông Nguyễn Văn Bình là người đại diện 5 tỷ phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Sông Đà 9.

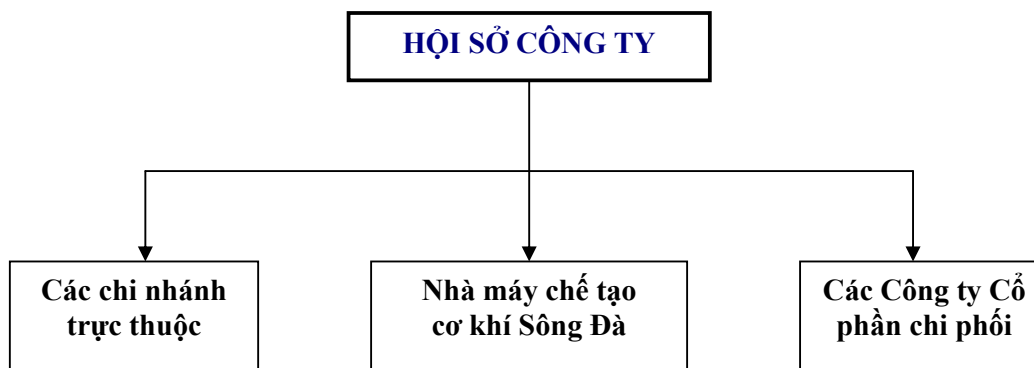
4. MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Sau khi chuyển qua mô hình Công ty Cổ phần từ năm 2006, Công ty tiếp tục duy trì mô hình tổ chức các đơn vị chi nhánh trực thuộc và các công ty con (Công ty có cổ phần chi phối). Hiện nay ngoài khối văn phòng đặt tại trụ sở chính, Công ty có 07 đơn vị trực thuộc bao gồm: các chi nhánh và nhà máy cơ khí. Các đơn vị của Công ty là những đơn

vị được tổ chức đồng bộ để có thể thi công xây lắp độc lập tại một hoặc hai công trình thủy điện, thủy lợi và giao thông.... Ngoài ra, tại thời điểm 30/09/2006, Công ty còn tham gia góp vốn cổ phần vào 3 Công ty Cổ phần khác với số vốn góp chiếm tỷ lệ chi phối (vốn góp trên 51% tại các Công ty Cổ phần con). Đồng thời, tại thời điểm 30/09/2006, Công ty có tham gia góp vốn đầu tư tài chính tại 4 công ty khác gồm: Công ty Cổ phần Sông Đà 909, Công ty Cổ phần thủy điện Sử Pán 2, Nhà máy thép Việt Ý, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng và xây dựng Sông Đà.

Hoạt động trong mô hình Công ty Cổ phần với sự phân định rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ chuyên trách giữa Công ty và các Chi nhánh, nhà máy trực thuộc thông qua các quy định về phân cấp quản lý được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đã khẳng định được tính hợp lý của mô hình này. Kết quả là phát huy tính chủ động trong quản lý điều hành của mỗi đơn vị, qua việc thực thi mục tiêu nhiệm vụ được giao và hiệu quả kinh tế của các đơn vị.

Cơ cấu tổ chức của Công ty mô tả theo sơ đồ như sau:



4.1. Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc

4.1.1. Chi nhánh Sông Đà 902

- Được thành lập theo quyết định số 80 CT/HĐQT ngày 1/4/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty về việc thành lập Chi nhánh Sông Đà 902
- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, các phó Giám đốc các ban nghiệp vụ và các đội sản xuất.
- Chức năng nhiệm vụ chính:
 - Hoạt động theo giấy phép hoạt động của Công ty.
 - Thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quản lý của Công ty. Trước mắt chi nhánh đang đảm nhận thi công một số hạng mục của Công trình thủy điện Nậm Chiến 1, Nậm chiến 2. Trong tương lai chi nhánh sẽ tham gia thi công các công trình thủy điện Lai châu và các công trình giao thông, thủy lợi khu vực Tây Bắc.
- Trụ sở: Xã Nậm Păm - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La.
- Điện thoại/ Fax: 022.830.141.

4.1.2. Chi nhánh Sông Đà 903

- Thành lập theo quyết định số 81 CT/HĐQT ngày 1/4/2006 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, các phó Giám đốc các ban nghiệp vụ và các đội sản xuất.
- Chức năng nhiệm vụ chính:
 - Hoạt động theo giấy phép hoạt động của Công ty. Trước mắt chi nhánh 903 đang đảm nhận thi công một số hạng mục của Công trình thủy điện XEKAMAN 3 và sau đó sẽ đảm nhiệm thi công là các công trình thủy điện XEKAMAN 4, thủy điện Nậm Cắn, Nậm Mần (CHDCND Lào)
 - Hoạt động theo phân cấp quản lý của Công ty.
- Trụ sở: Thị trấn Thạch Mỹ – Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: 0510.840236. Fax: 0510.840237.

4.1.3. Chi nhánh Sông Đà 904

- Quyết định thành lập số: 01 CT/HĐQT ngày 01/1/2006 của Hội đồng quản trị Công ty
- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, các phó Giám đốc các ban nghiệp vụ và các đội sản xuất.
- Chức năng nhiệm vụ chính:
 - Hoạt động theo giấy phép hoạt động của Công ty. Hiện chi nhánh đang đảm nhận thi công xây lắp một số hạng mục của nhà máy Xi măng Hạ Long, tham gia thi công khai thác mỏ tại Quảng Ninh. Chi nhánh đang đảm nhiệm thi công công trình thủy điện Sứ Pán 2, tham gia tiếp thị đấu thầu để đảm nhận thi công khai thác mỏ đa kim - Núi Pháo – Thái Nguyên.
 - Đơn vị hoạt động theo phân cấp quản lý của Công ty.
- Trụ sở: Thành phố Hạ Long - Quảng Ninh
- Điện Thoại/ Fax: 033.833901

4.1.4. Chi nhánh Sông Đà 905

- Quyết định thành lập số: 02 CT/HĐQT ngày 01/1/2006 của Hội đồng quản trị Công ty và hoạt động theo giấy phép hoạt động của Công ty
- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, các phó Giám đốc, các ban nghiệp vụ và các đội sản xuất
- Chức năng nhiệm vụ chính: Chi nhánh đang đảm nhận thi công xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ do Công ty đầu tư hoặc góp vốn đầu tư. Trước mắt chi nhánh đang thi công thủy điện Nậm Ngân và các dự án thủy điện vừa và nhỏ khác như thủy điện Nậm Khánh (tỉnh Lào Cai), thủy điện Sông Giàng (tỉnh Quảng Nam)
- Trụ sở: Xã Tân Thành - Huyện Bắc Quang - Tỉnh Hà Giang
- Điện thoại: 019.828770. Fax: 019.827.284.

4.1.5. Chi nhánh Sông Đà 907

- Quyết định thành lập số: 03CT/HĐQT ngày 01/1/2006 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, các phó Giám đốc, các ban nghiệp vụ và các đội sản xuất
- Chức năng nhiệm vụ chính: Hoạt động theo giấy phép hoạt động của Công ty. Hiện Chi nhánh đang thực hiện thi công các công trình thủy điện Tuyên Quang, Cửa Đạt, đường QL2 và các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông khác
- Trụ sở: Thị trấn Na Hang - Huyện Na Hang - Tỉnh Tuyên Quang
- Điện Thoại/Fax: 027.864694; 037.555.017; 0211.888853

4.1.6. Chi nhánh Sông Đà 908

- Quyết định thành lập số: 04 CT/HĐQT ngày 01/1/2006 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, các phó Giám đốc, các ban nghiệp vụ và các đội sản xuất, xưởng trực thuộc.
- Chức năng và nhiệm vụ chủ yếu: Hoạt động theo giấy phép hoạt động của Công ty. Chi nhánh 908 đang thi công hạng mục đập chính của công trình thủy điện Sơn La, công trình thủy điện Huội Quảng và các công trình giao thông, thủy lợi khác.
- Trụ sở: Xã Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La
- Điện thoại/Fax: 022.830521

4.1.7. Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà

- Quyết định thành lập số: 18 CT/HĐQT ngày 01/1/2006 của Hội đồng quản trị Công ty.
- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, các phó Giám đốc, các ban nghiệp vụ và các đội sản xuất.
- Chức năng và nhiệm vụ chủ chính: Hoạt động theo giấy phép hoạt động của Công ty bao gồm: Thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng xe máy; gia công cơ khí, thiết bị phi tiêu chuẩn; chế tạo vật tư phụ tùng xe máy; các sản phẩm đúc và các phẩm công nghiệp khác; cung cấp các dịch vụ đô thị, dịch vụ bảo dưỡng kỹ thuật, thiết bị điện tử, điện lạnh và máy công nghiệp; dịch vụ vận tải hàng hoá; gia công lắp đặt đường ống áp lực, thiết bị phi tiêu chuẩn cho thủy điện KrôngKmar, Nậm Ngần, Sông Giăng, Thủy điện Nậm Khánh, Nhà máy xi măng Hạ Long....
- Trụ sở: Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - Tỉnh Hà Tây.
- Điện thoại: 034719676. Fax: 034.868243

4.2. Các Công ty góp vốn chi phối**4.2.1 Công ty Cổ phần Sông Đà 901**

- Trụ sở tại 35 B Trần Khánh Dư, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại/ Fax: 059 876 702



- Nhiệm vụ chủ yếu là thi công các công trình Sê San 4, Thượng KomTum, An Khê-Kanak, tổng thầu xây dựng công trình thủy điện KrôngKmar; các công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện nhỏ, xây dựng đô thị tại khu vực Tây Nguyên. Trong tương lai công ty sẽ tiếp tục triển khai dự án xây dựng thủy điện Xekaman 1 (CHDCND Lào).
- Vốn điều lệ: 15 tỷ đồng, trong đó Công ty cổ phần Sông Đà 9 góp 8,327 tỷ đồng, chiếm 55,5% vốn điều lệ

4.2.2 Công ty Cổ phần Sông Đà 906

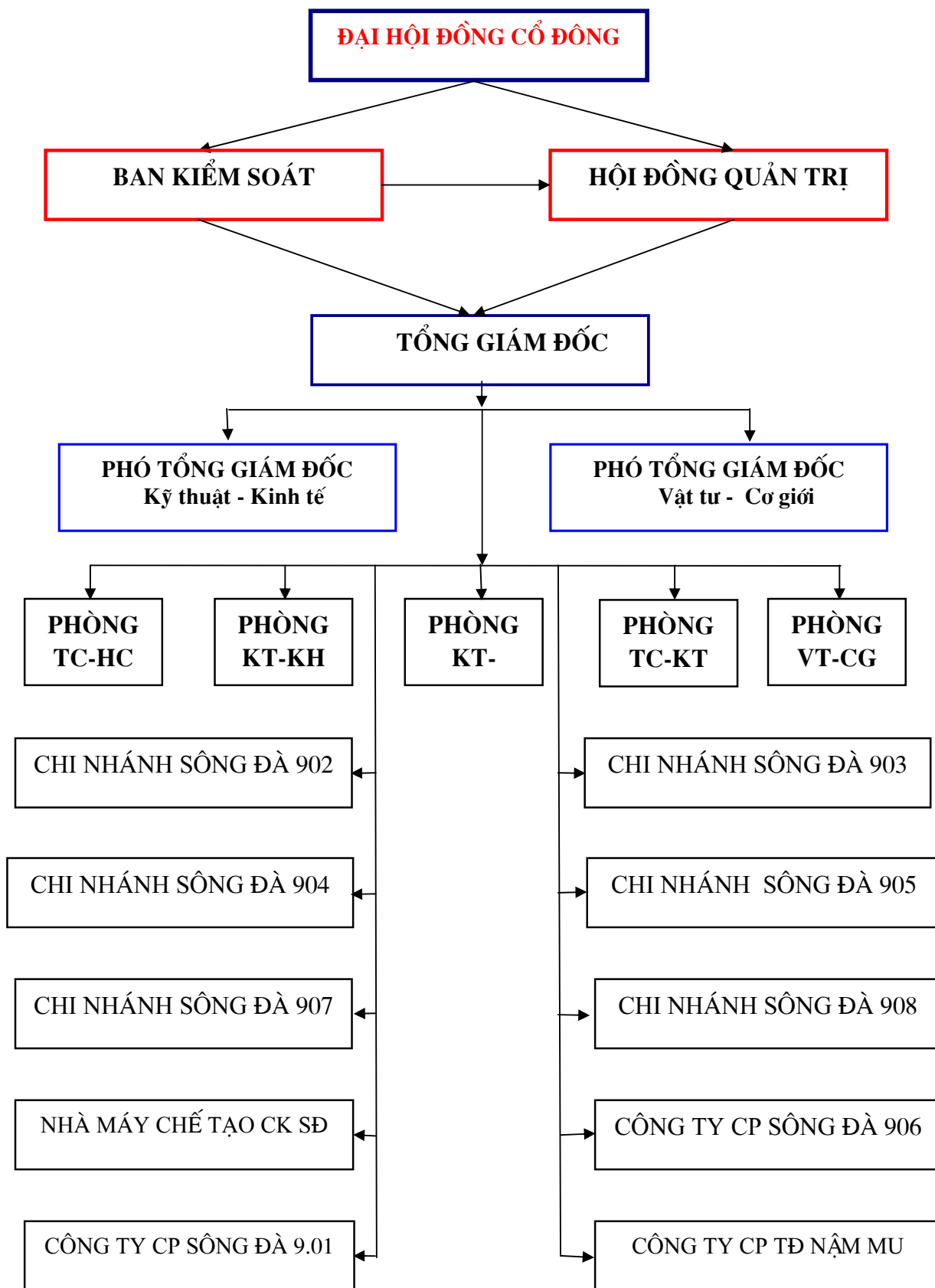
- Trụ sở tại số 47 – Phương Liệt – Thanh Xuân - Hà Nội
- Điện thoại/ Fax: 04 868 8022
- Nhiệm vụ chủ yếu là thi công các công trình đô thị (Các dự án Công ty Cổ phần Sông Đà 906 tự đầu tư và Sông Đà 9 đầu tư), các khu công nghiệp, giao thông khu vực phía Bắc.
- Vốn điều lệ: 5 tỷ đồng, trong đó Công ty cổ phần Sông Đà 9 góp vốn 2,657 tỷ đồng, chiếm 53,1 % vốn điều lệ

4.2.3 Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mu

- Trụ sở tại Xã Tân Thành - Huyện Bắc Quang - Tỉnh Hà Giang
- Điện thoại/ Fax: 019 827 276
- Nhiệm vụ chủ yếu là vận hành kinh doanh điện từ các nhà máy thủy điện Nậm Mu, đầu tư xây dựng công trình thủy điện Nậm Ngần và các dự án thủy điện nhỏ khác.
- Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng, trong đó Công ty cổ phần Sông Đà 9 góp 30,6 tỷ đồng chiếm 51% vốn điều lệ

5. CƠ CẤU QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

Mô hình tổ chức Công ty Cổ phần Sông Đà 9 như sau



Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có quyền và nghĩa vụ giám sát TGD điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát: Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của TGD, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và TGD.

Ban Tổng Giám đốc: gồm Tổng Giám đốc điều hành, 04 Phó Tổng Giám đốc (02 Phó Tổng Giám đốc tại văn phòng và 02 Phó Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách tại đơn vị) và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Tổng Giám đốc: TGD là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó TGD giúp việc TGD và chịu trách nhiệm trước TGD về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các phòng nghiệp vụ Công ty

- **Phòng Tổ chức Hành chính:** có chức năng tham mưu giúp HĐQT và TGD Công ty thực hiện các chức năng cụ thể sau:
 - Công tác tổ chức và công tác cán bộ ;
 - Công tác đào tạo;

- Công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật;
- Công tác hành chính văn phòng.
- **Phòng Kinh tế - Kế hoạch:** Là bộ phận chức năng giúp việc cho HĐQT và Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể như sau:
 - Công tác kinh tế;
 - Công tác đấu thầu mua sắm thiết bị, xe máy;
 - Công tác hợp đồng kinh tế;
 - Công tác kế hoạch.
- **Phòng Kỹ thuật công nghệ & An toàn:** Phòng có chức năng trợ giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể như sau:
 - Quản lý kỹ thuật, chất lượng và tiến độ các công trình đấu thầu hoặc nhận thầu thi công hoặc các công trình do Công ty làm chủ đầu tư xây dựng ;
 - Nghiên cứu hướng dẫn và hỗ trợ ứng dụng công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, biện pháp hợp lý hóa sản xuất trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty ;
 - Quản lý về an toàn bảo hộ lao động trong Công ty ;
 - Tìm kiếm phát triển thị trường và tiếp thị đấu thầu thi công các công trình trong phạm vi ngành nghề kinh doanh của Công ty ;
 - Lập và trình duyệt các dự án đầu tư của Công ty.
- **Phòng Vật tư – Cơ giới:** Là bộ phận chức năng giúp Tổng Giám đốc thực hiện các lĩnh vực công tác cụ thể sau:
 - Chức năng quản lý cơ giới: Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị và tài sản của Công ty ;
 - Chức năng quản lý vật tư ;
 - Đảm bảo cung ứng kịp thời các nhu cầu vật tư, phụ tùng thiết yếu nhằm đáp ứng công tác sản xuất và phục vụ sản xuất, công tác phục hồi sửa chữa xe máy ;
 - Xuất nhập khẩu vật tư phụ tùng.
- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Là bộ phận giúp Tổng Giám đốc tổ chức bộ máy Tài chính - Kế toán – Tín dụng. Mặt khác giúp Giám đốc kiểm tra, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động Kinh tế - Tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần.

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Triển vọng ngành

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển cao với tốc độ tăng GDP hàng năm 7 – 8 %/năm và theo dự báo của nhiều tổ chức trên thế giới sẽ tiếp tục đà phát triển trong những năm tới. Khi nền kinh tế đang trong giai đoạn tăng trưởng sẽ kéo theo sự gia tăng mạnh về nhu cầu xây dựng. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao so với kế hoạch và tăng cao hơn so với tốc độ tăng của những năm

gần đây. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 theo giá cố định 1994 ước tính tăng 17,2% so với năm 2004.

Bảng 4 : Một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản 2005

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Tăng trưởng so với 2004
GDP	Tỷ đồng	837.858	8,5%
Công nghiệp xây dựng	Tỷ đồng	343.807	10,6%
Dịch vụ	Tỷ đồng	319.003	8,5%
Nông lâm thủy sản	Tỷ đồng	175.048	4,0%
Xuất khẩu	Tỷ USD	32.23	21,6%
Nhập khẩu	Tỷ USD	36.88	15,4%

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2005)

Thực tế hiện nay nhu cầu điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất cho nền kinh tế cũng như cho tiêu dùng ngày càng tăng. Để đáp ứng được nhu cầu điện ngày càng cao, từ nay đến năm 2010, bên cạnh việc sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng điện hiện có, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đang phải đầu tư xây dựng mới các nhà máy điện để nâng cao công suất nguồn phát nhằm đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện. Đây là cơ hội đối với Công ty phát huy thế mạnh thi công các công trình thủy điện, thủy lợi.

Bảng 5: Kế hoạch về sản lượng điện

Năm	Đơn vị	2005	2010	2020
Sản lượng	Tỷ KWh	48,5-53,0	88,5-93	201-250
Tốc độ tăng trưởng	%	9%	11%	9.5%

Theo kế hoạch sản lượng trên, trong giai đoạn, 2005-2010 tăng trưởng sản lượng ngành điện bình quân tăng 11% và giai đoạn 2010-2020 tăng trưởng đạt 9,5%. Như vậy, theo chiến lược đặt ra của ngành điện, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện bình quân hàng năm trong giai đoạn 2005-2020 sẽ đạt khoảng xấp xỉ 10%. Xu hướng phát triển ngành điện ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

6.2. Thị trường hoạt động sản xuất kinh doanh

Hiện nay tại Việt Nam có một số doanh nghiệp cùng tham gia thi công cơ giới các công trình thủy điện, thủy lợi gồm có:

- Tổng Công ty LICOGI
- Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn
- VINACONEX...

Tuy nhiên, với hơn 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình thủy điện, thủy lợi, các công trình dân dụng, các công trình giao thông, Công ty tập trung vào các thị trường chủ yếu trong những năm tới như sau:

- Một mặt tiếp tục thi công thủy điện Sơn La, thủy điện Nậm Chiến và chuẩn bị đẩy nhanh thi công các công trình thủy điện như: Lai Châu, Huội Quảng, ...
- Mặt khác, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm các công trình mới để nâng cao uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường thuộc các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên như: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Gia Lai, Kon Tum... nơi có những công trình như: thủy điện Ry Ninh, thủy điện Sê San 3, Sê San 4, thủy điện Krông Kma, thủy điện Rào Quán...
- Tiếp tục phát triển mảng thị trường các công trình thủy lợi, các công trình công nghiệp, dân dụng và giao thông, các nhà máy xi măng, các dự án khai khoáng cùng với sự phát triển của các dịch vụ cơ khí, đô thị tại các tỉnh, thành phố lớn.
- Song song với việc phát triển thị trường trong nước, Công ty sẽ mở rộng thị trường ra nước ngoài, cụ thể là xây dựng các công trình thủy điện tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào như: thủy điện XêKaMan3, XêKaMan1. Đồng thời, tận dụng các điều kiện thuận lợi của quá trình hội nhập quốc tế hiện nay, Công ty sẽ từng bước mở rộng thị trường ra các nước ngoài khu vực như liên danh với các Tập đoàn xây dựng lớn để xây dựng các công trình hiện đại.

6.3. Hoạt động kinh doanh của Công ty

Trải qua 40 năm truyền thống, sản phẩm dịch vụ chủ yếu đồng thời cũng là thế mạnh của Công ty cổ phần Sông Đà 9 chủ yếu tập trung vào các nhóm sản phẩm chính như sau:

6.3.1. Sản phẩm xây lắp:

- Các sản phẩm xây lắp của các công trình thủy điện: Đập dâng, hồ chứa nước, hệ thống đường giao thông, nhà xưởng ... các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Hệ thống đường dây và các trạm biến thế điện;
- Các công trình giao thông, thủy lợi: Cầu cống, sân bay, bến cảng, hệ thống các công trình thủy lợi....
- Hệ thống nền móng các công trình;
- Các sản phẩm xây dựng dân dụng: Nhà ở, các công trình kiến trúc, văn phòng làm việc.

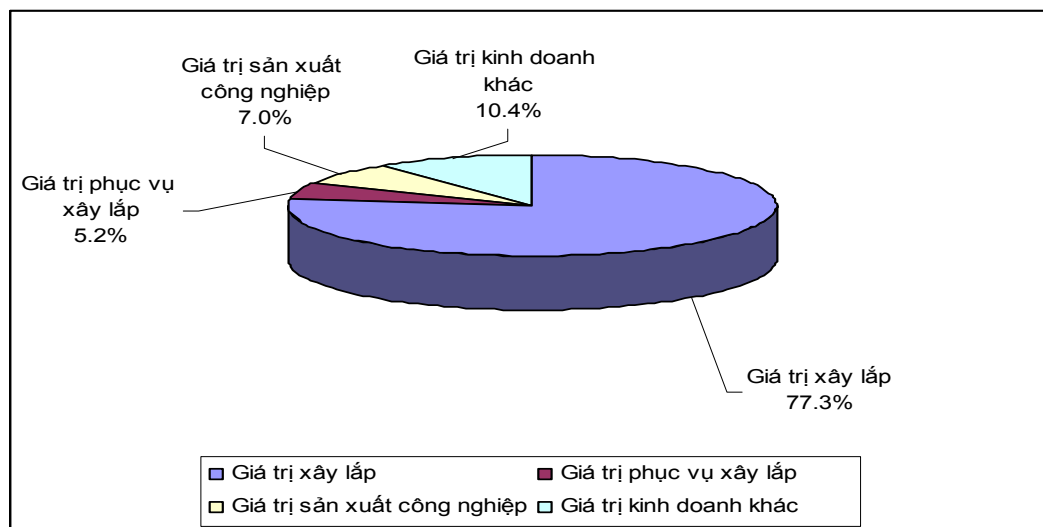
6.3.2. Các sản phẩm sản xuất công nghiệp

- Các cấu kiện bê tông, cấu kiện bằng kim loại phục vụ xây dựng;
- Các loại vật liệu phục vụ xây dựng: Xi măng, đá, cát, sỏi...;
- Các loại phụ tùng ô tô, máy xây dựng;
- Bán điện.

6.3.3. Các sản phẩm dịch vụ

- Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận tải hàng siêu trường, siêu trọng...;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo trì xe máy thiết bị.....;

- Dịch vụ cho thuê xe máy thiết bị;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ cung cấp nhiên liệu, dầu mỡ phụ.

Biểu đồ 2: Giá trị sản lượng sản xuất kinh doanh năm 2005**Bảng 6:** Giá trị sản lượng sản xuất kinh doanh năm 2005 và 9 tháng năm 2006

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	2005	9 tháng 2006
Giá trị xây lắp	426,253,559	295,708,690
Giá trị phục vụ xây lắp	28,647,968	19,729,169
Giá trị sản xuất công nghiệp	38,816,140	30,023,563
Giá trị kinh doanh khác	57,463,752	14,622,859

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2005 và Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2006)

6.4. Trình độ công nghệ

Do nhu cầu phát triển của Công ty, thị trường mở rộng với khối lượng thi công lớn, Công ty đã đầu tư thiết bị thi công xây lắp dây chuyền đào đắp và vận chuyển cụ thể như sau:

Bảng 7: Số lượng thiết bị, chủng loại và xuất xứ của phương tiện vận tải

TT	Tên xe máy	Mã hiệu	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	T. trọng d. tích gầu
I	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI					
01	ô tô tải Ben	Vol vo FM9	35 chiếc	Thụy điển	2002	22 tấn
02	ô tô tải Ben	Vol vo FL10	03 chiếc	Thụy điển	1998	22 tấn
03	ô tô tải Ben	Man 40.414DKF	40 chiếc	Đức	2002	22 tấn



04	ô tô tải Ben	KERAX 350	33 chiếc	Pháp	2003	21 tấn
05	ô tô tải Ben	CAT 769D	10 chiếc	Mỹ	2004	40 tấn
06	ô tô tải Ben	Hyundai HD270	09 chiếc	Hàn Quốc	2002	15 tấn
07	ô tô tải Ben	KaMaz	12 chiếc	Nga	1998	10 tấn
08	ô tô tải Ben	CA3102 K2 -10A	28 chiếc	Trung Quốc	2001	05 tấn
09	ô tô Stéc	KaMaz	02 chiếc	Nga	2002	10 tấn
10	Platfooc	Volvo NL 12	01 chiếc	Thụy điển	1993	30 tấn
11	Ô tô cứu hỏa	KaMaz	01 chiếc	Nga	2004	
12	Ô tô công trình xa	PAC 22231MA	01 chiếc	Ý	2004	
II	PHƯƠNG TIỆN THI CÔNG					
1	Máy xúc	CAT 330B	02 chiếc	Mỹ	1997	1,5 m ³
2	Máy xúc	CAT 345B	03 chiếc	Mỹ	2004	2,01 m ³
3	Máy xúc	VolVo EC360	11 chiếc	Thụy Điển	2001	1,8 m ³
4	Máy xúc	VolVo EC460	03 chiếc	Thụy Điển	2004	2,06 m ³
5	Máy xúc	KoMatsu PC450	07 chiếc	Nhật	2001-2002	1,8m ³
6	Máy xúc	R964 B	06 chiếc	Đức	2002-2003	3,4m ³
7	Máy xúc	Robex 320 LC-3	04 chiếc	Hàn Quốc	2001	1,4m ³
8	Máy xúc	Robex 200 W-3	02 chiếc	Hàn Quốc	2001	0,87 m ³
9	Máy ủi	D6R	24 chiếc	Mỹ	2001-2002	
10	Máy ủi	B170 M1	02 chiếc	Nga	2001	
11	Máy đầm rung	SD180,SD175	06 chiếc	Mỹ	1996-2002	18 tấn
12	Máy đầm rung	SD 150	02 chiếc	Mỹ	2001	15 tấn
13	Máy đầm rung	SD100	01 chiếc	Mỹ	2001	10 tấn
14	Máy đầm rung	BOMAG 219 HD-3	02 chiếc	Đức	2002	19 tấn
15	Máy đầm rung	BOMAG 214 HD-3	01 chiếc	Đức	2002	13 tấn
16	Máy san	KoMatsu GD611A	05 chiếc	Nhật	2001-2002	
17	Cần trục xích	ДЭК251	01 chiếc	Nga	1982	25 tấn
18	Cần trục lốp	KC5363	01 chiếc	Nga	1986	25 tấn
19	Cần trục lốp	KC3577	03 chiếc	Nga	2002	10 tấn
20	Cần trục tháp	Liebehrr 88HC	01 chiếc	Đức	1995	7 tấn

(Nguồn: Công ty CP Sông Đà 9)

Một trong những ưu điểm và là thế mạnh của Công ty chính là năng lực máy móc thiết bị mới và đồng bộ. Đa phần các máy móc thiết bị của Công ty đều có công nghệ xuất xứ từ nhóm các nước G7 và Bắc Âu bao gồm 198 chiếc, chiếm 79,2% số máy móc thiết bị hiện có của công ty. Các thiết bị trên được lắp và trang bị các cơ cấu vận hành hiện đại như: Hệ điều hành quản lý máy thông qua bộ vi xử lý trung tâm; Động cơ đạt tiêu chuẩn

EURO.2 trở lên, phun nhiên liệu HEUI và ECM; Hệ thống phanh lái được sử dụng hệ thống chống bó cứng và cường hoá thủy lực.

Để đảm bảo cho năng lực xe máy thiết bị của công ty thi công đạt năng suất, hiệu quả cao, công ty đã đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo cơ khí tại huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây, nhiệm vụ chủ yếu của Nhà máy là:

- Gia công, chế tạo một số phụ tùng thay thế cho xe máy, thiết bị thi công chủ yếu là phần gầm và bộ phận công tác: Ga lê, bánh dẫn hướng, gầu xúc và răng gầu các loại...;
- Thực hiện việc sửa chữa lớn và đại tu các loại xe, máy thi công: Máy xúc, máy ủi, máy đầm, máy san và ô tô các loại ...;
- Gia công phi tiêu chuẩn cho các nhà máy xi măng và đường ống áp lực cho các công trình thủy điện.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU VỀ MÁY MÓC THIẾT BỊ CỦA CÔNG TY

Xe CAT 769D



Đội xe tải VOLVO FL10



Máy xúc Liebherr 944



Máy ủi D6R



6.5. Giá trị lợi thế kinh doanh - Thương hiệu



SÔNG ĐÀ 9

Hiện nay Công ty đang sử dụng biểu tượng (logo) của Tổng công ty Sông Đà trong suốt quá trình hoạt động của Công ty cổ phần.

7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2005 VÀ 9 THÁNG NĂM 2006

7.1. Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2005 và 9 tháng năm 2006

Bảng 8 : Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2005 và 9 tháng năm 2006

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2005	9 tháng 2006
Tổng tài sản	879.934.481.242	881.164.779.243
Doanh thu thuần	467.390.119.202	226.262.867.835
Lợi nhuận từ SXKD	5.516.212.394	10.986.041.397
Lợi nhuận khác	8.384.043.548	304.765.015
Lợi nhuận trước thuế	14.444.409.195	11.290.806.412
Lợi nhuận trong Công ty liên doanh, liên kết	544.153.253	-
Lợi nhuận sau thuế	14.444.409.195	11.290.806.412
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	n/a	n/a
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	n/a	n/a

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã hợp nhất có kiểm toán năm 2005 và Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2006)

Số liệu tài chính năm 2005 đã được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán:

- Công ty Sông Đà 9 và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc và Công ty cổ phần Sông Đà 9.01, Công ty cổ phần Sông Đà 9.06 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Hồng Hà. Kết luận kiểm toán không có khoản mục ngoại trừ.
- Công ty cổ phần Sông Đà 9.09 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán quốc gia Việt Nam. Kết luận kiểm toán không có khoản mục ngoại trừ.



- Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng. Kết luận kiểm toán ngoại trừ kiểm kê tiền mặt của Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu tại thời điểm cuối năm 2005. Số dư tiền mặt tại thời điểm 31/12/2005 là 3.053.754.113 đồng, chiếm 6,5 % so với Vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu.

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2005 đã được kiểm toán của Công ty là 14.444.409.195 đồng, bao gồm:

- Lợi nhuận của các công ty cổ phần trực thuộc là 12.077.005.236 đồng.
- Lợi nhuận của Công ty Sông Đà 9 (chưa hợp nhất) là 2.367.403.959 đồng.

Trong đó, một số chỉ tiêu tài chính của Công ty (chưa hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2005 như sau:

- Tổng tài sản đạt mức 652.251.932.260 đồng với doanh thu thuần là 332.287.096.634 đồng;
- Tình hình lợi nhuận của Công ty chưa hợp nhất chi tiết như sau:

1. Lợi nhuận trước thuế	2.367.403.959 đồng
2. Lợi nhuận không chịu thuế, trong đó:	2.369.755.068 đồng
- Cổ tức thu được từ các công ty cổ phần không chịu thuế thu nhập	2.369.755.068 đồng
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập = (1) – (2)	0 đồng
Thuế thu nhập doanh nghiệp	0 đồng
Lợi nhuận sau thuế	2.367.403.959 đồng

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ (chưa hợp nhất) thời điểm 30/09/2006 như sau:

- Tổng tài sản đạt mức 629.751.616.752 đồng và doanh thu thuần là 150.810.994.845 đồng;
- Lợi nhuận trước thuế là 3.458.589.545 đồng và lợi nhuận sau thuế tương ứng là 3.458.589.545 đồng

7.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Công ty có bề dày truyền thống hoạt động thi công cơ giới hơn 40 năm và là đơn vị chủ lực của Tổng Công ty Sông Đà. Thương hiệu của Công ty đã gắn với các công trình thủy điện trọng điểm của đất nước như thủy điện Hòa Bình, Thủy điện Sơn La, Thủy điện Yaly;
- Phương tiện vận tải hiện đại với những tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất. Đa phần máy móc thiết bị của Công ty đều được mua mới và nhập từ các hãng nổi tiếng trên thế giới như Caterpillar, Volvo, Liebherr, Man, Kerax... Trong kế hoạch phát triển trong tương lai có kế hoạch đầu tư phát triển đội ngũ máy móc thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu thi công ngày càng gia tăng;

- Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 từ năm 2003 vào trong hoạt động sản xuất cũng như quản lý;
- Do nhu cầu đầu tư vào máy móc thiết bị lớn, Công ty còn khó khăn trong việc cân bằng nguồn vốn vay nợ và nguồn vốn chủ sở hữu và quản lý nguồn vốn vay có hiệu quả;
- Hiện nay, tại hầu hết các công trình thi công lớn, Công ty gặp khó khăn trong việc thu hồi nợ do cơ chế thanh toán của các chủ đầu tư chưa kịp thời. Vì vậy ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2006-2008

8.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 9: Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2006 - 2008

Đơn vị: Nghìn đồng

	Các chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
I	Tổng giá trị SXKD	621.000.000	645.000.000	755.000.000
	Trong đó:			
	<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>	<i>460.000.000</i>
	<i>Các Công ty Cổ phần chi phối</i>	<i>221.000.000</i>	<i>245.000.000</i>	<i>295.000.000</i>
1	Giá trị xây lắp	520.384.000	532.135.733	500.000.000
2	Giá trị phục vụ xây lắp	44.616.000	52.195.435	33.000.000
3	Giá trị sản xuất công nghiệp	41.000.000	45.668.832	180.000.000
3	Giá trị kinh doanh vật tư	10.000.000	9.000.000	10.000.000
4	Giá trị kinh doanh nhà	5.000.000	6.000.000	32.000.000
5	Giá trị kinh doanh khác			
II	Doanh thu	621.205.000	640.319.055	677.000.000
	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	390.000.000	397.206.001	418.000.000
	Các Công ty Cổ phần chi phối	231.205.000	243.113.054	259.000.000
III	Lợi nhuận	27.866.000	35.205.785	34.630.000
	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.730.000	19.528.994	21.630.000
	Các Công ty Cổ phần chi phối	14.136.000	15.676.791	13.000.000
IV	Tiền về tài khoản	657.955.000	633.915.864	731.000.000
	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	433.310.000	393.233.842	456.000.000
	Các Công ty Cổ phần chi phối	224.645.000	240.682.022	275.000.000
V	Nộp Ngân sách Nhà nước	30.300.750	28.570.884	25.000.000
	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	14.682.000	15.896.236	15.000.000
	Các Công ty Cổ phần chi phối	15.618.750	12.674.648	10.000.000
VI	Lao động tiền lương			
	Nhu cầu lao động bình quân	2.767	3.367	3.851
	Thu nhập BQ CBCNV/tháng	2.200	2.200	2.600

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 9)

8.2. Kế hoạch đầu tư

Bảng 10: Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2006 – 2010

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Các dự án	2006	2007	2008	2009	2010
I	Tổng giá trị đầu tư	55.660.000	69.944.931	149.000.000	145.000.000	105.000.000
1	Thủy điện Nậm Ngần	49.260.000	48.894.931	46.000.000		
	Xây lắp	44.700.000	45.894.931	26.000.000		
	Thiết bị + Chi phí khác	4.560.000	3.000.000	20.000.000		
2	Dự án kinh doanh nhà Tân Vạn	4.400.000	5.800.000			
	Xây lắp	4.100.000	5.500.000			
	Thiết bị + Chi phí khác	300.000	3.000.000			
3	Dự án nâng cao thiết bị	2.000.000				
4	Thủy điện Phình Hồ		14.550.000			
	Xây lắp		13.550.000			
	Thiết bị + Chi phí khác		1.000.000			
5	Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất nhà máy chế tạo CKSD			25.000.000		
6	Thủy điện Sông Giăng			78.000.000	145.000.000	105.000.000
	Xây lắp			58.000.000	95.000.000	75.000.000
	Thiết bị + Chi phí khác			20.000.000	50.000.000	30.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 9)

Một số thông tin chính về các dự án đầu tư lớn trong tương lai như sau:

- Dự án thủy điện Nậm Ngần:
 - Địa điểm xây dựng: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
 - Tổng mức đầu tư : 251 tỷ Đồng
 - Công suất lắp máy : 13,5MW
 - Dự án khởi công quý III/2005 và quý II/2008 đưa nhà máy vào vận hành
- Dự án thủy điện trên Sông Giăng 2:
 - Địa điểm xây dựng: Tỉnh Quảng Nam.
 - Công suất lắp máy: 18MW
 - Tổng mức đầu tư: ước tính 330 tỷ Đồng
 - Dự án khởi công quý I/2008 và quý I/2011 đưa nhà máy vào vận hành
- Dự án thủy điện Phình Hồ.
 - Địa điểm : Yên Bái.
 - Công suất lắp máy : 6 MW
 - Tổng mức đầu tư : 115 tỷ đồng

- Dự án khởi công quý I/2007 và quý I/2009 đưa nhà máy vào vận hành
- Dự án mở rộng năng lực sản xuất của Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà:
 - Đầu tư dây chuyền đúc sản xuất chi tiết máy, bi đạn, răng gầu.
 - Dự án bắt đầu vào năm 2008 với tổng mức dự toán 25 tỷ đồng

9. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

9.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Đầu tư tài chính dài hạn

Bảng 11: Đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 31/12/2005

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2005	30/09/2006	% vốn góp
Đầu tư vào công ty con			
- Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Mu	20.400.000.000	30.600.000.000	51%
- Công ty cổ phần Sông Đà 9.06	2.657.000.000	2.657.000.000	53,14%
- Công ty cổ phần Sông Đà 9.01	8.327.000.000	8.327.000.000	55,51%
Đầu tư vào công ty liên kết			
- Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Sông Đà	2.070.000.000	2.070.000.000	19%
- Công ty cổ phần Sông Đà 9.09	2.459.153.253	1.915.000.000	38%
- Công ty thép Việt Ý	1.120.000.000	2.645.000.000	2,70%
- Công ty CP Thủy điện Sừ Pán 2		1.000.000.000	1 %
Đầu tư dài hạn khác			
- Trái phiếu xây dựng Thủ đô	3.000.000	3.000.000	
Tổng	37.036.153.253	49.217.000.000	

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 9)

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sông Đà 9.09 tại thời điểm 31/12/2005 là 2.459.153.253 đồng bao gồm hai khoản chi tiết như sau:

- Khoản tiền 1.915.000.000 đồng thể hiện số thực góp của Công ty cổ phần Sông Đà 9 vào Công ty cổ phần Sông Đà 9.09
- Khoản tiền 544.153.253 đồng là khoản phân phối lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2005 chưa chia của Công ty cổ phần Sông Đà 9.09 cho Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Theo chuẩn mực kế toán đối với báo cáo tài chính hợp nhất thì 2 khoản trên được phản ánh vào phần đầu tư liên kết của Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Tổng số dư nợ ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2005 là **435.317.480.064** đồng, trong đó:
 - Vay và Nợ ngắn hạn : **222.182.495.117** đồng



✦ Vay ngắn hạn	: 114.135.314.117 đồng
✦ Vay dài hạn đến hạn trả	: 108.047.181.000 đồng
➤ Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách	: 15.814.882.735 đồng
■ Tổng dư nợ vay dài hạn	: 334.389.217.507 đồng
➤ Nợ vay dài hạn	: 334.389.217.507 đồng
✦ Trong đó, nợ vay dài hạn quá hạn	: 0 đồng

Bảng 12: Một số hợp đồng vay dài hạn tại thời điểm 30/09/2006 của Công ty cổ phần Sông Đà 9

Đơn vị: Nghìn đồng

	TÊN ĐƠN VỊ CHO VAY	Tổng giá trị	Lãi suất năm (%)	Thời gian vay
A	CÔNG TY SÔNG ĐÀ 9	481,022,857		
I	Ngân hàng ĐPTT Hà Tây	37,249,524		
	Đầu tư bổ xung thiết bị thi công	37,249,524	8.40%	7 năm
II	CN Ngân hàng ĐT & PT Đông Đô	112,743,200		
	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	27,843,200	9.39%	6 năm
	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	84,900,000	9.39%	7 năm
III	Ngân hàng Công thương Hà Tây	131,047,847		
	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	119,337,205	9.00%	8 năm
	Trạm bê tông Quốc Oai	2,996,800	9.00%	3 năm
	Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà	8,713,842	9.00%	7 năm
IV	Ngân hàng ngoại thương Hà Tĩnh	137,387,476		
	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	137,387,476	9.24%	9 năm
V	Ngân hàng nông nghiệp Hà Tây	37,453,227		
	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công	37,453,227	10.14%	7 năm
VI	CN NH No & PTNT Láng Hạ	25,141,583		
	Xây dựng trụ sở cơ quan Công ty	23,000,000	10.14%	7 năm
	Xưởng cơ khí Tuyên Quang	2,141,583		6 năm
B	CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN	250,211,335		
	Công ty cổ phần Nậm Mu	250,211,335		
	Ngân hàng NO & PTNT Hà Giang	165,568,335	11.16%	12 năm
	Ngân hàng NO & PTNT Hà Giang	84,643,000	12.16%	12 năm
	Tổng	731,234,192		

Bảng 13: Công nợ tại thời điểm 31/12/2005 và thời điểm 30/09/2006

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	2005	% 2005 so với Tổng tài sản	30/09/2006
Các khoản phải thu	153.919.085.268	20 %	147.376.368.384
Phải thu của khách hàng	129.706.041.233	16,85 %	106.910.904.268
Trả trước cho người bán	5.027.318.168	0,65 %	14.068.158.413
Phải thu khác	24.598.181,319	3,2 %	31.809.761.155

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.412.455.452)	(0,7 %)	(5.412.455.452)
Các khoản phải trả	435.317.480.064	53,14 %	413.628.651.495
Vay và nợ ngắn hạn	222.182.495.117	28,87 %	191.728.498.156
Phải trả cho người bán	77.172.615.576	10,03 %	79.505.481.593
Người mua trả tiền trước	44.887.332.263	5,83 %	62.430.240.982
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.814.882.735	2,05 %	9.564.629.271
Phải trả công nhân viên	8.643.842.113	1,12 %	13.291.299.998
Phải trả cho các đơn vị nội bộ	16.826.557.671	2,19 %	5.334.854.907
Chi phí phải trả	26.273.582.720	3 %	29.868.798.271
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.516.171.869	3,06 %	21.904.848.317

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2005 và Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2006)

9.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 9

Các chỉ tiêu	2004	2005	
		SD9 (Đã hợp nhất)	SD9 (Chưa hợp nhất)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,96	0,83	0,99
- Hệ số thanh toán nhanh	0,37	0,43	0,51
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản			
- Hệ số TSLĐ/ Tổng tài sản	34 %	41 %	48 %
- Hệ số TSCĐ/Tổng tài sản	66 %	59 %	52 %
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	1,75 vòng	2 vòng	2,23 vòng
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	38,5 %	53,1 %	50 %
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,35 %	3,09 %	0,7 %
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	12,52 %	13,10 %	3,2 %
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	1,10 %	1,64 %	0,36 %

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2004 và năm 2005)

- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán: Công ty đã duy trì tỷ lệ thanh toán tương đối an toàn so với các doanh nghiệp cùng tham gia hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2004 là 0,96 so với 0,83 của năm 2005 (trong khi đó chỉ số thanh toán ngắn hạn của Công ty khi chưa hợp nhất đạt mức khá an toàn là 0,99)
- Các chỉ tiêu đánh giá cơ cấu tài sản: Tỷ trọng tài sản cố định của Công ty luôn duy trì tỷ lệ cao (đạt mức 66 % năm 2004 và 59 % năm 2005)
- Về năng lực hoạt động: Xét trong mặt bằng các công ty xây dựng, vòng quay hàng tồn kho của Công ty ở mức độ trung bình. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho đạt 1,75 vòng trong năm 2004 và đạt mức 2 vòng trong năm 2005. Trong đó, vòng quay hàng tồn kho của Công ty khi chưa hợp nhất là 2,23 vòng.

- Về khả năng sinh lời của Công ty trong giai đoạn 2004 – 2005: Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE) và Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA) được duy trì ở mức độ trung bình. Năm 2004 – 2005, ROE tương ứng là 12,52 % và 13,10 %, trong khi ROA lần lượt là 1,1 % và 1,64 %.

10. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Bảng 15: Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2005

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Khoản mục tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	817.085.031.563	311.704.181.326	505.380.850.237
1	Nhà cửa vật kiến trúc	180.372.994.585	17.044.981.196	163.328.013.389
2	Máy móc thiết bị	290.037.869.577	144.950.553.263	145.087.316.314
3	Phương tiện vận tải	345.034.361.209	148.872.117.670	196.162.243.539
4	Thiết bị quản lý	1.472.045.369	768.721.406	703.323.963
5	TSCĐ khác	167.760.823	67.807.791	99.953.032
II	TSCĐ vô hình	5.490.000.000	422.402.006	5.067.597.994
1	Quyền sử dụng đất	90.000.000	0	90.000.000
2	Phần mềm máy tính	80.000.000	7.777.000	72.223.000
3	Giá trị thương hiệu	5.320.000.000	414.625.006	4.905.374.994
TỔNG CỘNG		822.575.031.563	312.126.583.332	510.448.448.231

(Nguồn: Báo cáo tài chính có kiểm toán của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 đã hợp nhất năm 2005)

Tình hình Tài sản cố định theo giá trị còn lại của Công ty tại thời điểm 30/09/2006 cụ thể như sau:

- Tài sản cố định hữu hình :** **433.319.414.662 đồng**
 - Nhà cửa vật kiến trúc : 158.244.463.354 đồng
 - Máy móc thiết bị : 115.329.612.710 đồng
 - Phương tiện vận tải : 159.124.776.222 đồng
 - Thiết bị quản lý : 558.942.270 đồng
 - Tài sản cố định khác : 61.620.108 đồng
- Tài sản cố định vô hình :** **4.781.972.995 đồng**

11. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

11.1 Chiến lược Công ty

Trong 5 năm 2006-2010, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 xác định định hướng phát triển của đơn vị là:

“Xây dựng Doanh nghiệp là Công ty Cổ phần vững mạnh, sản xuất kinh doanh đa dạng hóa ngành nghề, đa sản phẩm, lấy thi công cơ giới làm chính, lấy hiệu quả kinh tế làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty. Tiếp tục đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ, đầu tư và phát triển nhanh các sản phẩm cơ khí, lắp máy, nhà ở, khu đô thị và các dịch vụ khác...; chủ động phát huy mọi nguồn lực để nâng cao sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập, đảm bảo đủ việc làm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động”.

- Định hướng phát triển thị trường của Công ty cụ thể là:
 - Tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ thi công xây lắp các công trình thủy điện lớn của đất nước do Tổng Công ty Sông Đà đầu tư xây dựng hoặc làm Tổng thầu xây lắp.
 - Tham gia nhận thầu hoặc đấu thầu thi công xây lắp các công trình giao thông và thủy lợi, các khu công nghiệp.
 - Tự đầu tư xây dựng kinh doanh các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.
 - Đầu tư kinh doanh một số sản phẩm cơ khí phục vụ xây lắp và cung cấp các dịch vụ cơ khí sửa chữa.
- Mục tiêu cụ thể trong 5 năm (2006-2010)
 - Tăng trưởng bình quân hàng năm từ 5-10%/năm;
 - Tổng giá trị sản xuất kinh doanh: 3.600 tỷ đồng tương đương 225 triệu USD;
 - Doanh thu: 3.400 tỷ đồng tương đương 212 triệu USD;
 - Nộp Ngân sách Nhà nước: 148 tỷ đồng tương đương 9 triệu USD;
 - Lợi nhuận: 175 tỷ đồng tương đương 11 triệu USD;
 - **Cổ tức: 13-18%/năm;**
 - Lao động: 1.500 – 2.100 người;
 - Đảm bảo việc làm và thu nhập bình quân cho người lao động đạt 2,6 triệu đồng/người/tháng trở lên
- Phân đấu trở thành một Công ty mạnh, có năng lực cạnh tranh với nhiều ngành nghề, nhiều sản phẩm chất lượng cao
- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật năng động, có năng lực và trình độ cao; Đội ngũ cán bộ công nhân viên có tác phong làm việc công nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường

11.2 Một số giải pháp thực hiện chiến lược Công ty

11.2.1 Giải pháp sắp xếp và đổi mới Doanh nghiệp

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ Công ty ;
- Quảng cáo thương hiệu, hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng ;

- Xây dựng chương trình cụ thể đối với việc quy hoạch cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo để đáp ứng nhu cầu về mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty ;
- Tổ chức, sắp xếp, định biên, tăng cường lực lượng cho các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Công ty cũng như các đơn vị thành viên, đảm bảo gọn nhẹ, hiệu quả, chức năng nhiệm vụ rõ ràng, không chồng chéo, đáp ứng yêu cầu quản lý SXKD, tiến hành khoán quỹ lương cho các ban ;
- Thường xuyên sửa đổi đảm bảo sự phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 và thực hiện nghiêm túc ở cơ quan Công ty cũng như các đơn vị thành viên.

11.2.2 Giải pháp xây dựng và phát triển nguồn lực con người

Để đáp ứng yêu cầu sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp cũng như đáp ứng yêu cầu về nguồn lực cho hoạt động SXKD, Công ty tiến hành một số giải pháp như sau :

- Trước hết cần xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo cho 40 - 50 cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các Công ty Cổ phần; 30- 40 cán bộ tham gia các lớp đội trưởng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, tin học, ngoại ngữ...; 60 - 70 công nhân vận hành các nhà máy thủy điện do Công ty đầu tư ;
- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ Công ty và các đơn vị thành viên đặc biệt là đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt và cán bộ kế cận về kiến thức quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, ngoại ngữ... để phù hợp với cung cách tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tình hình mới của Công ty ;
- Xây dựng tác phong làm việc công nghiệp cho tất cả CBCNV trên các công trường cũng như cơ quan Công ty, đảm bảo thực hiện đúng tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 ;
- Xây dựng chế độ đãi ngộ, khuyến khích CBCNV được cử kèm cặp và cử đi đào tạo. Thực hiện tốt công tác kèm cặp đào tạo tại chỗ cho cán bộ, kỹ sư, cử nhân kinh tế, nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị thành viên.
- Bố trí sắp xếp lại lực lượng công nhân cho phù hợp với công việc theo năng lực và cấp bậc công việc, xây dựng kế hoạch đào tạo lại, có biện pháp kiên quyết xử lý lực lượng lao động không có tay nghề và không phù hợp với yêu cầu công việc ;
- Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ cụ thể đối với từng chức danh quản lý, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu SXKD; đào tạo hệ thống ngành nghề có đủ trình độ và có bằng cấp chứng chỉ.
- Thực hiện tốt việc tổ chức thi tuyển theo tiêu chuẩn, tuyển chọn những cán bộ có trình độ đáp ứng yêu cầu SXKD của Công ty và các đơn vị thành viên ;
- Xây dựng chế độ về thu hút và giữ đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, công nhân có tay nghề cao, đặc biệt là chế độ đối với người lao động ở các công trình trọng điểm vùng sâu, vùng xa.

11.2.3 Giải pháp về kỹ thuật

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý của Công ty, vào thiết kế biện pháp thi công, quản lý chất lượng và tiến độ công trình.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001- 2000 cho các sản phẩm công nghiệp như: sản xuất điện, gia công cơ khí.
- Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

11.2.4 Giải pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành SXKD

- Sửa đổi điều lệ hoạt động, quy chế quản lý tài chính và các quy chế, quy định về quản lý điều hành từ Công ty đến các đơn vị thành viên ;
- Phân cấp triệt để để các đơn vị trong việc chỉ đạo điều hành và quản lý SXKD ;
- Quản lý điều hành theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 ;
- Thực hiện quản lý, điều hành sản xuất thông qua hợp đồng kinh tế.
- Chấn chỉnh hệ thống thông tin báo cáo đảm bảo kịp thời, chính xác ; xử lý thông tin theo phân cấp quản lý để chỉ đạo, điều hành công việc.

11.2.5 Giải pháp về kinh tế – kế hoạch

- Giải pháp về kế hoạch
 - Xây dựng kế hoạch sát thực đảm bảo đầy đủ, cụ thể làm cơ sở cho tổ chức sản xuất, kế hoạch chuẩn bị xe máy thiết bị, nhân lực, đảm bảo thuận lợi trong quản lý, chỉ đạo, điều hành;
 - Giao kế hoạch sản xuất trung hạn cho các đơn vị và các điều kiện để đơn vị có cơ sở thực hiện.
- Giải pháp về kinh tế
 - Xây dựng cụ thể cho công tác thu hồi vốn, công nợ giảm tối đa giá trị dở dang hàng năm < 150tỷ ;
 - Tập trung giải quyết dứt điểm các tồn tại về hồ sơ nghiệm thu thanh toán ;
 - Đôn đốc và giải quyết kịp thời các vướng mắc về định mức, đơn giá, dự toán, tổng dự toán với Chủ đầu tư.
 - Ký hợp đồng giao khoán cho các đơn vị thành viên trên cơ sở giao tài sản cố định, nhân lực, các kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành, kế hoạch chi phí quản lý ... ngay từ đầu năm để đơn vị chủ động thực hiện và thực hiện thanh quyết toán hợp đồng từng quý, khi kết thúc năm ;
 - Xây dựng, hiệu chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật nội bộ như: Định mức sử dụng nhiên liệu, định mức sử dụng vật tư trong sửa chữa, gia công, định mức sử dụng nguyên vật liệu, định mức năng suất ca máy...cho phù hợp với công nghệ sản xuất và tình hình sản xuất cụ thể ;
 - Xây dựng và ban hành quy chế thưởng phạt đối với những đơn vị, cá nhân làm ăn có hiệu quả hoặc làm ăn thua lỗ.
 - Quan tâm bồi dưỡng kiến thức về kinh tế, hạch toán kinh doanh cho các cán bộ chủ chốt, kỹ sư, kỹ thuật của các đơn vị và toàn Công ty.

11.2.6 Giải pháp về tài chính

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền, công nợ với khách hàng, giảm tối đa giá trị SXKD dở dang, tăng vòng quay vốn lưu động, đảm bảo vốn cho SXKD;
- Hoàn chỉnh điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của Công ty trên cơ sở điều lệ tổ chức hoạt động và quy chế tài chính của Tổng Công ty Sông Đà cho phù hợp với Công ty ;
- Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo vốn cho các dự án do Công ty đã làm chủ đầu tư và phục vụ SXKD;
- Xây dựng quy định thời gian nộp báo cáo, chất lượng báo cáo đối với các Công ty Cổ phần và các đơn vị thành viên.

11.2.7 Giải pháp về thị trường:

Công tác thị trường là một công tác quan trọng hàng đầu và phải được đặc biệt quan tâm thường xuyên của các cấp lãnh đạo từ Công ty đến các đơn vị thành viên. Một số giải pháp cụ thể như sau :

- Tập trung thi công các công trình trọng điểm: Sơn La, Sê San 4, Huội Quảng, Lai Châu, Nậm Chiến, các công trình khai khoáng, các công trình giao thông, các công trình hạ tầng...
- Xác định thị trường của Công ty theo từng lĩnh vực SXKD để có chiến lược đầu tư mở rộng sản xuất cũng như tiếp thị đầu thầu, nhận thầu.
- Tăng cường các hoạt động liên danh, liên kết với các tổ chức, các doanh nghiệp trong và ngoài Tổng Công ty trên cơ sở phát huy năng lực tổng hợp, nâng cao hiệu suất đầu thầu.
- Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 ; tăng cường quảng bá sản phẩm, thương hiệu của Công ty trên thị trường, khẳng định uy tín của Công ty bằng chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

11.2.8 Giải pháp về quản lý cơ giới

- Cân đối xe máy và điều động xe máy giữa các công trường và bố trí hợp lý theo dây chuyền sản xuất.
- Sửa chữa bảo dưỡng xe máy thiết bị, đảm bảo xe máy hoạt động liên tục;
- Tổ chức cung ứng vật tư phụ tùng và thực hiện sửa chữa kịp thời, giảm tối đa thời gian xe máy nằm chờ trong xưởng, tăng thời gian hoạt động của xe máy ;
- Tăng cường kiểm tra kỷ luật hiện trường, cương quyết xử lý các trường hợp vi phạm làm hư hỏng máy móc thiết bị, ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của đơn vị ;
- Thường xuyên tổ chức tốt phong trào thi đua quản lý, giữ gìn xe máy tốt, lái xe an toàn năng suất cao, tiết kiệm nhiên liệu giữa các đầu xe máy. Phát huy mạnh mẽ phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong CNVC – LĐ, đặc biệt là trong lĩnh vực sửa chữa xe máy, thiết bị và gia công cơ khí.

12. LAO ĐỘNG VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

12.1. Số lượng lao động trong Công ty

Tổng số lao động tại thời điểm 30/09/2006 của Công ty là 1.519 người.

- Phân loại theo giới tính:

Bảng 16 : Cơ cấu lao động của Công ty theo giới tính*Đơn vị: Người*

Tên đơn vị	2005		2006	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Hội sở Công ty	20	24	20	24
Chi nhánh Sông Đà 902	47	0	80	02
Chi nhánh Sông Đà 903	0	0	193	06
Chi nhánh Sông Đà 904	167	4	108	01
Chi nhánh Sông Đà 905	179	14	209	14
Chi nhánh Sông Đà 907	536	29	329	29
Chi nhánh Sông Đà 908	404	23	341	18
Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà	116	19	125	20
Tổng số	1.489	113	1.405	114
	1.602		1.519	

(Nguồn : Công ty CP Sông Đà 9)

- Phân loại theo trình độ lao động:

Bảng 17: Trình độ lao động của Công ty tại thời điểm 30/9/2006

Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Trên Đại học	2	0,13
Đại học	180	11,84
Cao đẳng	27	1,69
Trung cấp	98	6,45
Công nhân kỹ thuật	994	65,43
Lao động phổ thông	218	14,46
Tổng cộng	1.519	100

(Nguồn : Công ty CP Sông Đà 9)

12.2. Chính sách đối với người lao động

Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống lương dựa theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, lương được tính theo khối lượng sản phẩm hoàn thành trong

tháng. Đối với CBCNV gián tiếp nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đảm bảo tốt các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho NLD.

Với đặc thù của đơn vị cơ giới là quản lý và sử dụng nhiều máy móc thiết bị hiện đại, công tác đào tạo nguồn nhân lực, tạo môi trường tốt để cho người lao động gắn bó lâu dài với đơn vị luôn luôn được Công ty coi là một chiến lược quan trọng đến sự phát triển của Công ty. Công ty đã có chiến lược đào tạo khá cụ thể như đào tạo nâng bậc, đào tạo kèm cặp cho NLD mới. Bên cạnh đó Công ty cũng có những chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cho đội trưởng và các nhà quản trị cấp dưới, chương trình đào tạo cho cán bộ kỹ thuật về công nghệ đắp đập bê tông đầm lăn, bê tông bán mặt, về nghiệp vụ tư vấn giám sát, tư vấn đấu thầu.... Công tác đào tạo, nâng bậc, nâng lương của Công ty luôn được các chủ đầu tư đánh giá cao.

Về chính sách khen thưởng, để khuyến khích NLD, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, đóng góp sáng kiến, giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Song song với chính sách khen thưởng hợp lý, Công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

13.1. Hội đồng quản trị

13.1.1. Chủ tịch HĐQT

- Ông Nguyễn Đăng Lanh

13.1.2. Ủy viên HĐQT

- Ông Lê Công Tinh
- Ông Dương Hữu Thắng
- Ông Khương Đức Dũng
- Ông Nguyễn Văn Phúc

13.2. Ban kiểm soát

13.2.1. Trưởng ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Văn Thắng

13.2.2. Thành viên ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Văn Tuấn
- Ông Nguyễn Hoàng Cường

13.3. Ban Tổng giám đốc

13.3.1. Tổng giám đốc

- Ông Lê Văn Hưng

13.3.2. Phó Tổng giám đốc

- Ông Dương Hữu Thắng
- Ông Nguyễn Tiến Thân
- Ông Đỗ Văn Hà
- Ông Vũ Chí Mỹ

13.4. Phòng Tài chính Kế toán

- Ông Dương Kim Ngọc - Kế toán trưởng

13.5. Số cổ phần nắm giữ của các thành viên thuộc Ban lãnh đạo Công ty tại thời điểm 10/10/2006

Bảng 18: Số cổ phần nắm giữ của các thành viên Ban lãnh đạo tại thời điểm 10/10/2006

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ		Ghi chú
			Sở hữu cá nhân	Được ủy quyền	
1	Nguyễn Đăng Lanh	Chủ tịch HĐQT	60.000	2.000.000	Đại diện phần vốn của TCT Sông Đà
2	Lê Công Tinh	Ủy viên HĐQT	0	500.000	Đại diện phần vốn của TCT Sông Đà
3	Khương Đức Dũng	Ủy viên HĐQT	0	500.000	Đại diện phần vốn của TCT Sông Đà
4	Dương Hữu Thắng	Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	69.867	155.353	Đại diện phần vốn của Công ty CP 9.01
5	Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên HĐQT	12.108	100.000	Đại diện phần vốn của Công ty CP 9.06
6	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng BKS	0	200.000	Đại diện phần vốn của TCT Sông Đà
7	Nguyễn Văn Tuấn	Ủy viên BKS	4.634	0	
8	Nguyễn Hoàng Cường	Ủy viên BKS	3.185	0	
9	Lê Văn Hưng	Tổng giám đốc	35.100	1.000.000	Đại diện phần



STT	Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ		Ghi chú
			Sở hữu cá nhân	Được ủy quyền	
10	Nguyễn Tiến Thân	Phó Tổng giám đốc	10.736	0	vốn của TCT Sông Đà
11	Đỗ Văn Hà	Phó Tổng giám đốc	13.752	0	
12	Vũ Chí Mỹ	Phó Tổng giám đốc	2.300	0	

13.6. Lý lịch cá nhân các thành viên thuộc Ban lãnh đạo Công ty

13.6.1. Ông Nguyễn Đăng Lanh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 22/08/1954
 Nơi sinh : Đông Anh – Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 22 ngách 102/27 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
 Điện thoại cơ quan : 04 768 3839
 Trình độ văn hoá : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư máy xây dựng
 Quá trình công tác:

- 09/1976 : Công ty Thi công cơ giới thuộc Tổng Công ty Sông Đà
- 1979-1984 : học tại chức đại học Xây dựng, là kỹ thuật liên đội trưởng xúc ủi thuộc Công ty Thi công cơ giới
- 1989-1995 : Giám đốc xí nghiệp cơ giới - Công ty Thi công cơ giới
- 1995-09/2001 : Phó giám đốc công ty Sông Đà 9 - Tổng Công ty Sông Đà
- 10/2001 – 2005 : Giám đốc Công ty Sông Đà 9 – Tổng Công ty Sông Đà
- 01/2006 – nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9

 Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
 Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 2.060.000 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 60.000 cổ phần

- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước : 2.000.000 cổ phần

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 60.000 cổ phần trong vòng 3 năm kể từ ngày được chấp thuận đăng ký giao dịch

Người có liên quan: Nguyễn thị Nhâm – số cổ phần nắm giữ 30.000 cổ phần

13.6.2. Ông Dương Hữu Thắng - Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 08/05/1957

Nơi sinh : Trương Yên, Hoa Lư, Ninh Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Trương Yên, Hoa Lư, Ninh Bình

Địa chỉ thường trú : Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, Hà Tây

Điện thoại cơ quan : 04 768 3840

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

- 1978 – 1990 : Kỹ thuật, Trưởng ca, Trưởng ban Công ty Thi công cơ giới Tổng Công ty Sông Đà
- 1991 – 2001 : Giám đốc xí nghiệp Công ty Sông Đà 2
- 09/2001 – 2005 : Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 9
- 2006 – nay : Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Sông Đà 9.01

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 255.222 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 69.867 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Sông Đà 9.01: 155.353 cổ phần

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 69.867 cổ phần trong vòng 3 năm kể từ ngày được chấp thuận đăng ký giao dịch

Người có liên quan: không

13.6.3. Ông Lê Công Tinh - Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 01/01/1958

Nơi sinh : Thụy Lương, Thái Thụy, Thái Bình



Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Thụy Lương, Thái Thụy, Thái Bình
 Địa chỉ thường trú : 160 Chiến Thắng, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Tây
 Điện thoại cơ quan : 04 854 8531
 Trình độ văn hoá : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
 Quá trình công tác :

- 1980 – 1991 : Cán bộ kỹ thuật
- 1992 – 1997 : Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Thi công Cơ giới
- 1997 – 2001 : Trưởng phòng Tài chính Lao động - đại diện Tổng Công ty Sông Đà tại miền Trung
- 02/2002 – nay : Trưởng phòng Tổ chức Đào tạo Tổng Công ty Sông Đà

 Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, Trưởng phòng Tổ chức Đào tạo Tổng Công ty Sông Đà
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
 Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 500.000 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước: 500.000 cổ phần

13.6.4. Ông Nguyễn Văn Phúc - Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 01/01/1966
 Nơi sinh : Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Tây
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Tây
 Địa chỉ thường trú : 7B, Ao sen 7, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Tây
 Điện thoại cơ quan : 04 768 3841
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế máy
 Quá trình công tác :

- 1990 – 1993 : Phòng Kinh tế Kế hoạch Tổng Công ty Sông Đà
- 1993 – 1994 : Phòng Kinh Tế Kế hoạch Tổng Công ty Sông Đà – đại diện Tổng Công ty Sông Đà tại YaLy
- 1994 – 2001 : Trưởng phòng Kinh Tế Kế hoạch Công ty Sông Đà 3
- 2002 – nay : Trưởng phòng Kinh Tế Kế hoạch Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9.06, Trưởng phòng Kinh Tế Kế hoạch Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 112.108 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 12.108 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn góp của Công ty cổ phần Sông Đà 9.06: 100.000 cổ phần

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 12.108 cổ phần trong vòng 3 năm kể từ ngày được chấp thuận đăng ký giao dịch

13.6.5. Ông *Khương Đức Dũng* - Ủy viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 13/05/1963

Nơi sinh : Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hưng, Nam Định

Địa chỉ thường trú : số nhà 10B tổ 111 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan :

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ hàn

Quá trình công tác :

- 1986 – 1989 : Phòng Thiết bị Công ty Cung ứng Vật tư Sông Đà
- 1989 – 1994 : Phó Giám đốc xí nghiệp cơ khí sửa chữa - Công ty Cung ứng Vật tư Sông Đà
- 1994 – 1996 : Phó Giám đốc chi nhánh Công ty Vật tư thiết bị tại Quy Nhơn
- 1996 – 1998 : Giám đốc chi nhánh Công ty Sông Đà 16 tại Yaly
- 1998 – 1999 : Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Sông Đà 16
- 1999 – 2000 : Phó Giám đốc Nhà máy xi măng Sông Đà Yaly
- 2000 – 2002 : Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 3
- 2002 – 2003 : Phó Giám đốc Công ty xi măng Sông Đà
- 2003 – 2004 : Phó Phòng Quản lý vật tư và SXCN – Tổng Công ty Sông Đà
- 2004 – nay : Phó Phòng Kế hoạch Tổng Công ty Sông Đà kiêm ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9,
Phó Phòng Kế hoạch Tổng Công ty Sông Đà

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 500.000 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện phần vốn Nhà nước: 500.000 cổ phần

13.6.6. Ông Nguyễn Văn Thắng - Trưởng ban Kiểm soát

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 25/11/1969

Nơi sinh : Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định

Địa chỉ thường trú : K10 – khu tập thể Công ty Sông Đà 10, Hà Đông, Hà Tây

Điện thoại cơ quan : 04 854 1164 / 1164

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác :

- 11/1993 - 11/1994 : Kế toán tại Chi nhánh Công ty Vật tư thiết bị Sông Đà tại Quy Nhơn
- 1994 – 1995 : Kế toán Công ty Sông Đà 4
- 1995 – 1996 : Kế toán đại diện Tổng Công ty Sông Đà tại miền Trung
- 1996 – 1997 : Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 9
- 1997 – 1998 : Kế toán trưởng Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại Thành phố Hồ Chí Minh
- 1998 – 2000 : Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty Sông Đà 1 tại Thành phố Hồ Chí Minh
- 2000 – 2003 : Phòng Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Sông Đà
- 2003- 2005 : Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tài chính – Kế toán Sông Đà
- 2005 – nay : thành viên Ban Kiểm soát Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 9, thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Sông Đà

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 200.000 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước: 200.000 cổ phần

13.6.7. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ủy viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 27/08/1949
Nơi sinh : Kim Chân, Quế Võ, Bắc Ninh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Kim Chân, Quế Võ, Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú : Nhà 26, ngõ 207 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại cơ quan : 04 768 4556
Trình độ văn hoá : 10/10
Trình độ chuyên môn : cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác :

- 1968 – 1975 : Thủy điện Thác Bà
- 1976 – 1992 : Thủy điện Hòa Bình, thường vụ thường trực Đảng ủy (1986 – 1992)
- 1993 – 1999 : Thủy điện Yaly Gia Lai, trưởng phòng tổ chức Công ty Sông Đà 9
- 2000 – nay : Chủ tịch Công đoàn Công ty Sông Đà 9, phó Bí thư Đảng ủy Công ty Sông Đà 9

Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch Công đoàn kiêm phó Bí thư Đảng ủy Công ty Cổ phần Sông Đà 9, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 4.634 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 4.634 cổ phần
- Được ủy quyền : 0 cổ phần

13.6.8. Ông Nguyễn Hoàng Cường - Ủy viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nam
Ngày sinh : 22/09/1972
Nơi sinh : Minh Châu, Ba Vì, Hà Tây
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Phú Sơn, Ba Vì, Hà Tây

Địa chỉ thường trú : số 9 – 358/62 Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 04 768 3840

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác :

- 1997 – 2001 : Phòng Dự án thị trường Tổng Công ty Sông Đà
- 2001 – 2002 : Ban Quản lý dự án Công ty Sông Đà 9
- 2002 – 2003 : Phòng Kỹ thuật Công ty Sông Đà 9
- 2003 – 2004 : Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật, đại diện Công ty Sông Đà 9 tại Tuyên Quang
- 2004 – 2006 : Phó Giám đốc chi nhánh Sông Đà 9.07 tại Tuyên Quang
- 2006 – nay : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Sông Đà 9, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 3.185 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 3.185 cổ phần
- Được ủy quyền : 0 cổ phần

13.6.9. Ông Lê Văn Hưng – Tổng giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 31/10/1958

Nơi sinh : xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : xã Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây

Địa chỉ thường trú : Văn Mỗ, thị xã Hà Đông, Hà Tây

Điện thoại cơ quan : 04 768 7138

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

- 1981 - 1989 : Cán bộ kỹ thuật Công ty vận tải 500 xe – Hòa Bình
- 1989 – 1992 : Phó trưởng phòng Kế hoạch Công ty Vận tải 500 xe – Hòa Bình
- 1992- 1999 : Phó giám đốc Xí nghiệp 2 , Xí nghiệp 4 – Công ty Xây lắp thi công cơ giới Sông Đà 9
- 1999-2003 : Giám đốc chi nhánh 901 tại Gia Lai, Giám đốc chi nhánh 904 – đường Hồ Chí Minh



- 2003 – 12/2005 : Phó giám đốc Công ty Sông Đà 9
- 01/2006 – nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 1.035.100 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 35.100 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện phần vốn Nhà nước: 1.000.000 cổ phần

Cam kết nắm giữ ít nhất 50% trong số 35.100 cổ phần trong vòng 3 năm kể từ ngày được chấp thuận đăng ký giao dịch

Người có liên quan: Bà Hoàng Kim Trung – số cổ phần nắm giữ 3.092 cổ phần

13.6.10. Ông Nguyễn Tiến Thân – Phó Tổng giám đốc

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/04/1961

Nơi sinh : Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Mang Thượng, Yên Nam, Duy Tiên, Hà Nam

Địa chỉ thường trú : phòng 118 nhà I9, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan : 04 768 4557

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Đại học Thủy lợi ngành Máy xây dựng

Quá trình công tác :

- 1985 – 1987 : phòng Kỹ thuật thuộc Công ty Xây lắp thi công cơ giới Sông Đà – Hòa Bình
- 1987- 1991 : Đội trưởng đội trực – Công ty Xây lắp thi công cơ giới Sông Đà
- 1991- 1993 : Trưởng ban Vật tư cơ giới chi nhánh Công ty Xây lắp thi công cơ giới Sông Đà
- 1994 – 2003 : Phó phòng Vật tư cơ giới Công ty Xây lắp thi công cơ giới Sông Đà
- 2003 – 2005 : Phó giám đốc Công ty Sông Đà 9
- 2006 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Người có liên quan: không

Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 10.736 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 10.736 cổ phần
- Được ủy quyền : 0 cổ phần

13.6.11. Ông Vũ Chí Mỹ – Phó Tổng giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 02/09/1959
- Nơi sinh : Khánh Hội, Yên Khánh, Ninh Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Khánh Hội, Yên Khánh, Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Phường Hữu Nghị, thị xã Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại cơ quan : 022 830 521
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế Xây dựng
- Quá trình công tác :
- 1982 – 1989 : Phòng Kỹ thuật Kế hoạch Công ty Thi công xây lắp cơ giới tại Hòa Bình
 - 1990 -1993 : Trưởng phòng Kỹ thuật Kế hoạch Công ty Thi công xây lắp cơ giới tại Hòa Bình
 - 1994 – 2002 : Trưởng phòng Kỹ thuật Kế hoạch Công ty Sông Đà 9 tại thủy điện Yaly
 - 2003 – 2005 : Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 9, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Nhà máy thủy điện Nậm Mu
 - 2006 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Người có liên quan: không
- Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 2.300 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 2.300 cổ phần
 - Được ủy quyền : 0 cổ phần

13.6.12. Ông Đỗ Văn Hà – Phó Tổng giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 01/08/1960
- Nơi sinh : Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Tây
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh



Quê quán : Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Tây
 Địa chỉ thường trú : Chi nhánh Sông Đà 9.07, Na Hang, Tuyên Quang
 Điện thoại cơ quan : 027 864 964
 Trình độ văn hoá : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi
 Quá trình công tác :

- 1983 – 1990 : Công ty Thi công cơ giới tại Thủy điện Hòa Bình
- 1991 – 1993 : Công ty Thi công cơ giới tại Thủy điện Vĩnh Sơn
- 1994 – 1998 : Công ty Sông Đà 9 tại Thủy điện Yaly
- 1999 – 2000 : Giám đốc xí nghiệp tại Hàm Thuận – Công ty Sông Đà 9
- 2001 – 2005 : Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 9, Giám đốc xí nghiệp tại Tuyên Quang
- 2006 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9

 Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
 Người có liên quan: không
 Số lượng cổ phần hiện đang sở hữu: 13.752 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 13.752 cổ phần
- Được ủy quyền : 0 cổ phần

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Căn cứ theo kế hoạch sản xuất 3 năm trong giai đoạn 2006 - 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 với dự báo tốc độ tăng doanh thu thuần giai đoạn này như sau :

Bảng 19: Dự báo Doanh thu thuần giai đoạn 2006 - 2008

	2006	2007	2008
Tỷ lệ tăng doanh thu thuần	3 %	2 %	5 %

Do đó, chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cụ thể như sau:

Bảng 20: Một số chỉ tiêu dự kiến về Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 2006-2008

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	2006	2007	2008
Doanh thu thuần	621.000.000	640.319.055	677.000.000
Lợi nhuận trước thuế	27.866.000	35.205.785	34.630.000
Lợi nhuận sau thuế	26.460.540	33.011.034	29.781.800



LNST/ Doanh thu thuần	4,26 %	5,16 %	4,4 %
LNST/ Vốn chủ sở hữu	27,22 %	31,81 %	29,62 %
Tỷ lệ trả cổ tức (theo mệnh giá)	13 %	14 %	16 %

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 9)

Theo kế hoạch đề ra trong phương án cổ phần hóa đã được thông qua cũng như được sự thống nhất của các cổ đông trong phiên Đại hội đồng cổ đông thành lập, cổ tức chi trả cho các cổ đông trong giai đoạn 2006-2008 bình quân là 15%/năm.

Công ty hiện đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ chính sách ưu đãi cổ phần hóa. Cụ thể trong năm 2006-2007, công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp và 3 năm tiếp theo (2008-2010) được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

15. CĂN CỨ ĐỂ ĐẠT DOANH THU, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Nền kinh tế trong giai đoạn 2006 - 2010 được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ cao và ổn định (tăng trưởng 7-8 %/năm). Sản xuất công nghiệp năm 2005 tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng cao. Quy mô sản xuất công nghiệp năm 2005 được mở rộng với tổng mức doanh thu tăng trên 30% so với năm 2004. Năm 2005, tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp xây dựng chiếm 41% tổng giá trị GDP của Việt Nam.

Theo xu thế tăng trưởng của nền kinh tế, ngành điện được Nhà nước có nhiều ưu tiên ưu đãi để tăng khả năng cung cấp điện cho nền kinh tế. Thêm vào đó, hiện nay, ngành điện đang phải đối mặt với vấn đề thiếu hụt điện năng (khả năng cung ứng điện năng không đáp ứng kịp nhu cầu sử dụng điện của nền kinh tế). Đây là cơ hội để phát huy thế mạnh truyền thống của Công ty là thi công xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi. Dưới đây là danh mục một số hợp đồng Công ty đang triển khai thi công trong năm 2006

Đơn vị Tỷ đồng

Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng		
	Tổng giá trị	Đã thực hiện	% Thực hiện
- Công trình Thủy điện Cửa Đạt	116,3	49,3	42 %
- Công trình Thủy điện Nậm Chiến	52,4	26,4	50 %
- Công trình thủy điện Sơn La	2.227	210	9 %
- Công trình xi măng Hạ Long	54	2,14	3 %
- Công trình thủy điện Xekaman 3	294,8	19,9	6 %
- Khu CN Khí đạm Cà Mau	53	5,33	10 %



- Công trình thủy điện Nậm Ngần	130	19,8	15 %
---------------------------------	-----	------	------

Với chiến lược phát triển chú trọng vào đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, trong giai đoạn 2006 – 2010 Công ty tiến hành thực hiện đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và nâng cấp Nhà máy Cơ khí

- Dự án thủy điện Nậm Ngần

+ Tổng mức đầu tư :	251 tỷ đồng
+ Công suất lắp máy :	13,5MW

- Dự án thủy điện trên Sông Giăng 2

+ Tổng mức đầu tư:	ước tính 330 tỷ đồng
+ Công suất lắp máy:	18MW

Dự án thủy điện Phình Hồ

+ Tổng mức đầu tư	115 tỷ đồng
+ Công suất lắp máy	6 MW

- Dự án mở rộng năng lực sản xuất của Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà

+ Đầu tư dây chuyền đúc sản xuất chi tiết máy, bi đạn, răng gầu	
Tổng mức dự toán	25 tỷ đồng

16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Sau khi thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 cũng như ngành nghề kinh doanh thì công xây lắp cơ giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt nam cho rằng trong tương lai với mức tăng trưởng giá trị sản lượng sản xuất kinh doanh hàng năm 3 – 5 %/năm (với quan điểm thận trọng) cho giai đoạn 2006 - 2010, tương ứng doanh thu thuần hàng năm tăng khoảng 3 - 5 % là hoàn toàn có thể thực hiện được. Là một trong những doanh nghiệp có truyền thống trong việc thi công các công trình thủy điện, thủy lợi, cũng như kinh nghiệm làm chủ đầu tư các dự án xây dựng khác, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 sẽ hoàn toàn duy trì và mở rộng được thị phần của mình với các ngành nghề kinh doanh mới trong lĩnh vực xây dựng và đạt được mức độ tăng trưởng theo đúng kế hoạch đã đề ra của Công ty.

Nếu không có diễn biến bất thường xảy ra thì việc Công ty đạt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận như trên là hoàn toàn có tính khả thi. Với tỷ lệ Lợi nhuận / Vốn chủ sở



hữu đạt mức trung bình 29%, thì việc trả cổ tức bình quân 15 %/năm theo kế hoạch là hoàn toàn có thể và vẫn đảm bảo được nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư, mở rộng SXKD.

Những ý kiến nhận xét, đánh giá trên đây là quan điểm độc lập của chúng tôi, được dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và những lý thuyết về Tài chính dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn. Nhận xét này chỉ có ý nghĩa tham khảo đối với các nhà đầu tư.

17. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

Không có

18. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU

Không có

IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. TÊN CHỨNG KHOÁN

Cổ phần Công ty cổ phần Sông Đà 9

2. LOẠI CHỨNG KHOÁN

Cổ phần phổ thông

3. MỆNH GIÁ 01 CỔ PHẦN

10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

4. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Tổng số chứng khoán của Công ty đăng ký giao dịch là: 7.000.000 (Bảy triệu) cổ phần

Bảng 21: Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch

TT	Cổ đông	Số cổ phần	%
1	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	4.485.353	64,08 %
2	Cổ phần được phép giao dịch	2.514.647	35,92 %

Trong đó, cổ phần hạn chế chuyển nhượng là những cổ phần thuộc sở hữu của các cổ đông sáng lập.

5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu

Ngày 19/10/2005, Công ty đã phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mức giá khởi điểm 10.010 cổ phần, thu hút được gần 800 nhà đầu tư tham gia. Kết thúc buổi đấu giá, số lượng cổ phần đã được phân phối hết với mức giá trung bình là 10.217 đồng/cổ phần. Mức giá đấu giá cao nhất là 15.000 đồng/cổ phần và mức giá thấp nhất là 10.010 đồng/cổ phần.

Giá trị sổ sách của cổ phiếu

Đơn vị: Đồng

	31/12/2005	30/09/2006
- Vốn chủ sở hữu	79.448.817.422	85.185.150.485
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000	70.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		- 229.311.878
Quỹ đầu tư phát triển	309.635.977	3.545.200.234
Quỹ dự phòng tài chính	414.364.176	539.534.979



Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	38.682.460	38.682.460
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.686.134.809	11.291.044.690
- Số cổ phần lưu hành		7.000.000 CP
- Giá trị sổ sách của 1 cổ phần (Vốn chủ sở hữu / Tổng số cổ phần lưu hành)		12.169 đồng/CP

Khoản mục Cổ phiếu quỹ trị giá 229.311.878 đồng của Công ty cổ phần Sông Đà 9.01, công ty con của Công ty cổ phần Sông Đà 9, mua cổ phiếu từ CBCNV. Khoản mục này được hạch toán trong báo cáo tài chính 9 tháng năm 2006 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.01. Theo chuẩn mực kế toán hiện hành, khi hợp nhất các báo cáo tài chính, khoản này thể hiện trên phần Nguồn vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty cổ phần Sông Đà 9 và có giá trị âm.

Khi tham gia giao dịch chứng khoán trên TTGDCK Hà Nội, giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 9 sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu. Tuy nhiên quan hệ cung cầu phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố bao gồm nội lực của Công ty, yếu tố kinh tế vĩ mô, vĩ mô cũng như yếu tố phi kinh tế như yếu tố tâm lý. Giá trị cổ phần Sông Đà 9 cũng không nằm ngoài quy luật đó.

6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NÂM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Hiện nay, Công ty vẫn chưa có cổ đông là người nước ngoài. Theo quy định Pháp luật hiện hành, người nước ngoài không được sở hữu số cổ phần vượt quá 30% vốn điều lệ của các công ty cổ phần chưa thực hiện đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Sau khi Công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp phép và thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu tối đa 49% tổng số vốn điều lệ của Công ty.

7. CÁC LOẠI THUẾ LIÊN QUAN

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Công ty hiện đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ chính sách ưu đãi cổ phần hóa. Cụ thể trong năm 2006-2007, công ty được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp và 3 năm tiếp theo (2008-2010) được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp
- Công ty sẽ được giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm khi Công ty được cấp phép và thực hiện Đăng ký giao dịch cổ phần tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội trước thời điểm 31/12/2006.
- Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam hiện hành.

**V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH****1. TỔ CHỨC TƯ VẤN****CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VCBS)**

- Trụ sở chính: Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

Điện thoại: 04 - 935 1531 Fax: 04 - 935 1530

- Chi nhánh: 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 - 820 8116 Fax: 08 - 8208 117

Website: <http://www.vcbs.com.vn>

2. CÔNG TY KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HỒNG HÀ**

Địa chỉ: 72 An Dương, Tây Hồ, Hà Nội

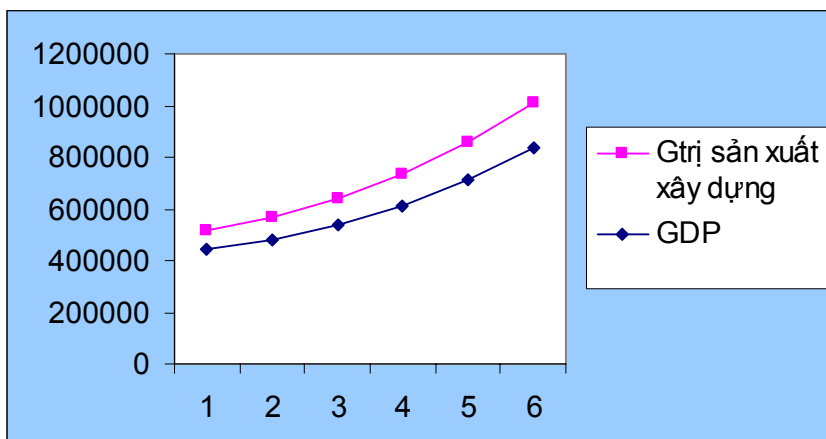
Điện thoại : 04 - 823 9118 Fax : 04 - 717 1086

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO KINH TẾ

Ngành điện và ngành xây dựng là một ngành thiết yếu, giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Trong bất cứ giai đoạn phát triển nào của đất nước, Chính phủ đều đưa ra các chính sách khuyến khích phát triển đối với các lĩnh vực này. Đặc biệt, khi kinh tế đất nước phát triển, cùng với sự lớn mạnh của các ngành sản xuất thì vai trò của ngành điện lại càng được khẳng định. Là một đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, sự phát triển của ngành điện cùng với kế hoạch đầu tư lớn đến 2010 và hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty có mối quan hệ thuận chiều với nhau. Tuy nhiên, các ngành này khá nhạy cảm với diễn biến của nền kinh tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng và ổn định, lĩnh vực này hứa hẹn mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế đình trệ thì khả năng đầu tư vào các dự án, phương án hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ trở nên khó khăn hơn do có sự rút lui những nguồn tài chính dài hạn, sự hợp tác của đối tác, mức độ tài trợ của các ngân hàng và các định chế tài chính khác cũng giảm đáng kể so với thời kỳ kinh tế ổn định.

Biểu đồ 3: Mối quan hệ giữa GDP và giá trị sản xuất xây dựng từ năm 2000-2005



Nguồn: - Niên giám thống kê 2004 – NXB Thống kê, 2005. www.gso.gov.vn

- Giá trị sản xuất ngành xây dựng www.gso.gov.vn

Kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển thuận lợi, với tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm từ 7 - 8%, đặc biệt GDP năm 2005 là 8,4%. Trong đó, tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng trong GDP khoảng 41%. Xu hướng chung của nền kinh tế từ nay cho đến năm 2010 được dự tính là khá ổn định và giữ vững nhịp độ tăng trưởng. Đây là một tiền đề hết sức thuận lợi để Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của mình như hoạt động thi công cơ giới công trình thủy điện, thủy lợi.

2. RỦI RO PHÁP LUẬT

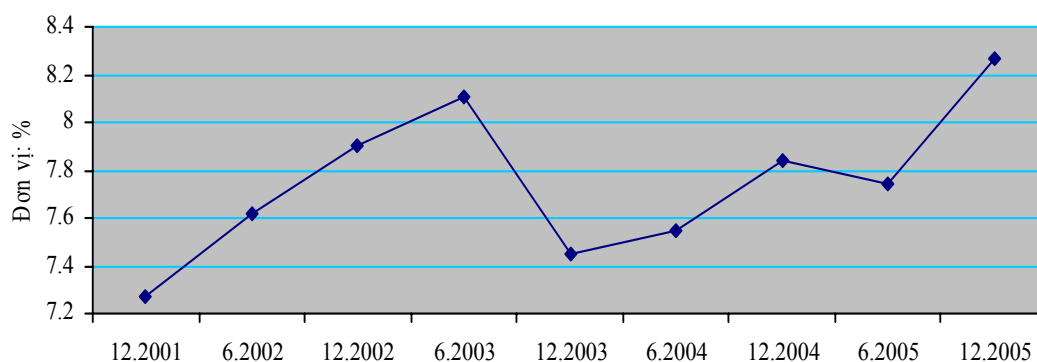
Tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước, mới chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần từ đầu năm 2006 nên mọi hoạt động của công ty chịu ảnh hưởng của các chính sách Pháp luật về cổ phần hoá, chứng khoán và thị trường chứng khoán... Do hệ thống Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, thiếu sự ổn định cần thiết đối với doanh nghiệp mới thực hiện hình thức chuyển đổi sở hữu.

3. RỦI RO TÀI CHÍNH

Hiện nay, Công ty đang đầu tư vào máy móc thiết bị thi công thông qua nguồn vốn vay ngân hàng. Do đó, Công ty còn khó khăn trong việc cân bằng nguồn vốn vay nợ và nguồn vốn chủ sở hữu và quản lý nguồn vốn vay có hiệu quả.

Thêm vào đó, do tỷ trọng doanh thu từ xây lắp vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng doanh thu, trong khi thực tế là tình trạng khó thu hồi nợ sau khi hoàn thành công trình khá phổ biến trong ngành xây dựng nên công ty có thể sẽ gặp những khó khăn trong việc thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Công ty duy trì tỷ lệ Các khoản phải trả/Tổng tài sản cao là một rủi ro thanh toán tiềm ẩn. Cụ thể là khi có các khoản nợ xấu phát sinh, Công ty không thu được các khoản phải thu đúng hạn thì có thể sẽ gặp những khó khăn về khả năng thanh khoản.

Biểu đồ 4: Diễn biến lãi suất bình quân liên ngân hàng loại kỳ hạn 6 tháng



Nguồn: - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

- Thời điểm thu thập số liệu là các ngày giao dịch cuối cùng của các tháng

4. RỦI RO NGÀNH KINH DOANH

Hiện nay trong hoạt động xây dựng cơ bản, bên cạnh thời gian thi công công trình kéo dài, việc nghiệm thu, quyết toán bàn giao được thực hiện từng phần với tiến độ chậm. Thêm vào đó, thực tế ở Việt nam, việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, các chủ đầu tư là các bộ ngành và địa phương thường bố trí quá nhiều dự án, công trình xây dựng không tương xứng với nguồn vốn đầu tư cho nên thi công kéo dài, khối lượng đầu tư dở dang nhiều. Điều đó càng làm chậm thêm tiến độ giải ngân và thanh quyết toán của các công trình và làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của các công ty xây dựng, đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động.

5. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bảo lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc hoàn toàn)... Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty cần tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản và công trình xây dựng của Công ty.

**VII. PHỤ LỤC**

1. **PHỤ LỤC I** : Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Sông Đà 9
2. **PHỤ LỤC II** : Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc Công ty cổ phần Sông Đà 9 đăng ký giao dịch cổ phiếu trên TTGDCK Hà Nội
3. **PHỤ LỤC III** : Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2005, Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2006
4. **CÁC PHỤ LỤC KHÁC**

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2006

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH - CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ VĂN HƯNG

NGUYỄN ĐĂNG LANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN VĂN THẮNG

DƯƠNG KIM NGỌC